

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Thủy

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN PHA**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Thủy

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2013

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Thủy

Mã SV:1354010120

Lớp: QT1306K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và

tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Pha.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phẩm tại công ty TNHH An Pha.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Pha.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Pha từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH An Pha

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Pha.
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Thủy - Lớp QT1306K

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG I.NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT3

1.1: Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất 3

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất 3

1.1.2. Vai trò của tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất 4

1. 1.3.1: Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất..... 4

1.1.3.2: Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm 8

1.1.3.3: Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm 10

1.1.4: Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất 11

1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất..... 12

1.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm 12

1.2.1.1: Đối tượng kế toán chi phí sản xuất 12

1.2.1.2: Đối tượng kế toán giá thành sản phẩm 12

1.2.2. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất 14

1.2.2.1: Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trực tiếp..... 14

1.2.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang 15

1.2.3.1: Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp..... 15

1.2.3.2: Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương . 16

1.2.3.3: Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá thành định mức . 16

1.2.4. Phương pháp tính giá thành 17

1.2.4.1: Phương pháp giản đơn(phương pháp trực tiếp) 17

1.2.4.2: Phương pháp hệ số	17
1.2.4.3: Phương pháp tỷ lệ	18
1.2.4.5: Tính giá thành theo phương pháp loại trừ sản phẩm phụ	18
1.2.4.6: Tính giá thành theo phương pháp tổng cộng chi phí	19
1.2.4.7: Tính giá thành theo định mức	19
1.2.4.8: Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp phân bước	19
1.3. Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất	23
1.3.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	23
1.3.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	23
1.3.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	26
1.3.1.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm	31
1.3.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	33
1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	35
1.4.1: Hình thức nhật ký chung.....	36
1.4.2: Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	37
1.4.3: Hình thức chứng từ ghi sổ.....	38
1.4.4: Hình thức Nhật ký chứng từ.....	39
1.4.5: Hình thức kế toán trên máy vi tính	40
CHƯƠNG II.THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN PHA	41
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH An Pha	41
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH An Pha.....	41
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH An Pha	45
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH An Pha	48
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH An Pha.....	48

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH An Pha.....	49
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán tại công ty TNHH An Pha.....	49
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH An Pha.....	50
2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.....	51
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Pha.....	52
2.2.1. Kế toán chi phí sản xuất.....	52
2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất	52
2.2.1.2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty TNHH An Pha.....	54
2.2.1.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	54
2.2.1.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	64
2.2.1.5. Kế toán chi phí sản xuất chung	75
2.2.2. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty TNHH An Pha	90
2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm	90
2.2.3.1. Đối tượng tính giá thành	90
2.2.3.2. Kỳ tính giá thành.....	91
2.2.3.3. Phương pháp tính giá thành	91
CHƯƠNG III:MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN PHA	98
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán tại Công ty TNHH An Pha	98
3.1.2. Những tồn tại trong công ty	101
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty....	103
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Pha	103

3.2.2. Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện đề tài nghiên cứu.....	104
3.2.3: Nguyên tắc phải hoàn thiện tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Pha.....	104
3.2.4: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Pha	105
KẾT LUẬN	113

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Biểu số 1: Phiếu xuất kho.....	59
Biểu số 2: Bảng kê vật liệu xuất kho	60
Biểu số 3: Trích sổ Nhật kí chung tháng 12/2012	61
Biểu số 4: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK6211.....	62
Biểu số 5: Trích Sổ Cái tài khoản 621	63
Biểu số 6: Trích bảng chấm công tại công ty TNHH An Pha	69
Biểu số 7: Trích bảng thanh toán lương tháng 12/2012.....	70
Biểu số 8: Trích bảng thanh toán tiền lương tại công ty TNHH An Pha.....	71
Biểu số 9:Trích sổ Nhật kí chung tháng 12/2012	72
Biểu số 10: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh tháng 12/2012	73
Biểu số 11: Trích sổ cái.....	74
Biểu số 12: Bảng tính và phân bổ khấu hao.....	80
Biểu số 13: Hóa đơn tiền nước tháng 12 tại công ty TNHH An Pha.....	82
Biểu số 14: Phiếu chi.....	84
Biểu số 15: Bảng tổng hợp TK627	85
Biểu số 16: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung tháng 12/2012	86
Biểu số 17: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh tháng 12/2012	87
Biểu số 18:Trích sổ Nhật kí chung tháng 12/2012	88
Biểu số 19:Trích sổ cái.....	89
Biểu số 20: Phiếu kế toán.....	93
Biểu số 21: Thẻ tính giá thành tháng 12/2012	94
Biểu số 22: Sổ chi tiết TK1541	95
Biểu số 23: Trích sổ nhật kí chung tháng 12/2012	96
Biểu số 24:Trích sổ cái.....	97

LỜI MỞ ĐẦU

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, với tư cách là công cụ quản lý kinh tế, tài chính, kết toán ngày càng khai thác tối đa sức mạnh và sự uyển chuyển của nó nhằm điều chỉnh vĩ mô và kiểm soát sự vận hành của nền kinh tế trong hiện thực phong phú và đa chiều. Kế toán đảm nhận hệ thống tổ chức thông tin có ích cho quyết định kinh tế. Vì vậy nó có vai trò đặc biệt quan trọng không chỉ với hoạt động tài chính Nhà nước mà còn vô cùng cần thiết và quan trọng đối với hoạt động tài chính doanh nghiệp.

Cơ chế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất phải thường xuyên quan tâm đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Bởi vì làm tốt công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp doanh nghiệp nhìn nhận đúng đắn thực trạng quá trình sản xuất, cung cấp các thông tin cần thiết một cách kịp thời chính xác cho ban lãnh đạo doanh nghiệp. Để từ đó có những chiến lược, chính sách và biện pháp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Đồng thời làm tốt công tác này sẽ giúp cho doanh nghiệp có kế hoạch sử dụng vốn có hiệu quả đảm bảo tính chủ động trong sản xuất kinh doanh. Do đó công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được coi là công tác quan trọng, trọng tâm của kế toán doanh nghiệp sản xuất.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH An Pha được đối diện với thực trạng quản lý kinh tế, kết hợp với những nhận thức của bản thân về tầm quan trọng của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Pha”

Kết cấu của bài khóa luận gồm ba phần:

Chương I: : Những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Pha.

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Pha.

Được sự giúp đỡ và hướng dẫn nhiệt tình của Ths. Nguyễn Văn Thụ cùng các thầy cô trong khoa và sự chỉ bảo, giúp đỡ của tập thể ban lãnh đạo cùng toàn thể phòng kế toán công ty TNHH An Pha đã tạo điều kiện giúp em hoàn thành bài khóa luận này. Song do trình độ nghiệp vụ và hiểu biết thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày....tháng....năm....

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Thủy

CHƯƠNG I
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC
CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP
SẢN XUẤT

1.1: Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết và quản lý của Nhà nước hiện nay, một nền kinh tế chịu sự tác động gắt gao của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, quy luật giá trị, quy luật cung cầu... vì vậy một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển được trên thị trường thì phải sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng tốt, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng nhưng đặc biệt phải với giá cả hợp lý nhất. Điều đó cũng có nghĩa là doanh nghiệp phải chú trọng làm tốt công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành để tính toán chính xác giá thành sản phẩm, phân đấu hạ giá thành.

Cơ chế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất phải thường xuyên quan tâm đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Bởi vì làm tốt công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp doanh nghiệp nhìn nhận đúng đắn thực trạng quá trình sản xuất, cung cấp các thông tin cần thiết một cách kịp thời chính xác cho ban lãnh đạo doanh nghiệp. Để từ đó có những chiến lược, chính sách và biện pháp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Đồng thời làm tốt công tác này sẽ giúp cho doanh nghiệp có kế hoạch sử dụng vốn có hiệu quả đảm bảo tính chủ động trong sản xuất kinh doanh. Do đó công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được coi là công tác quan trọng, trọng tâm của kế toán doanh nghiệp sản xuất.

Như vậy, sự hoàn thiện của công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm góp phần không nhỏ và sự thành công trong kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần phải ngày càng hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán

tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm để tăng cường hiệu quả kế toán cũng như quản trị doanh nghiệp, góp phần tăng sức mạnh của doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Ta biết rằng sản xuất vật chất thông qua hoạt động sản xuất của con người, là một yếu tố khách quan để duy trì sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Khi tiến hành các hoạt động sản xuất con người cần thiết phải quan tâm tới việc quản lý các hoạt động đó. Với nguyên lý như vậy quản lý quá trình sản xuất, quá trình tiêu hao lao động sống, lao động vật hoá, con người phải quan tâm tới việc quản lý các chi phí tiêu hao trong kỳ. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế... Nhưng trong đó kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh, giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật. Kế toán cung cấp những tài liệu cần thiết về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, đáp ứng nhu cầu quản lý đối với vực đó. Chính vì vậy kế toán là một công cụ quản lý, một tất yếu khách quan và có vai trò quan trọng trong quản lý kinh tế nói riêng và quản lý chi phí sản xuất giá thành nói chung.

1.1.3: Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

1. 1.3.1: Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất

*** Khái niệm chi phí sản xuất**

Sản xuất của cải vật chất là hoạt động cơ bản của xã hội loài người, đây chính là điều kiện quyết định của sự tồn tại và phát triển trong mọi chế độ xã hội. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp thực chất là việc sản xuất sản phẩm theo nhu cầu của thị trường nhằm mục đích kiếm lời. Để đạt được mục đích này doanh nghiệp phải bỏ ra những chi phí nhất định. Do vậy, để tồn tại và phát triển kinh doanh mang lại lợi nhuận thì buộc các doanh nghiệp phải giảm đến mức tối thiểu các chi phí của mình bỏ ra trong quá trình sản xuất.

Chính vì thế mà có nhiều cách nhìn nhận khác nhau về chi phí sản xuất như:

+ Các nhà kinh tế học thường quan niệm rằng chi phí là khoản phí tổn phải bỏ ra khi sản xuất hàng hóa, dịch vụ trong kinh doanh.

+ Đối với các nhà quản trị doanh nghiệp thì chi phí là các khoản phải mua các yếu tố cần thiết cho việc tạo ra sản phẩm mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp.

+ Còn các nhà kế toán thường quan niệm chi phí như một khoản bỏ ra để đạt được mục đích nhất định. Nó xem như một lượng tiền phải trả cho các hoạt động của doanh nghiệp trong việc tạo ra sản phẩm.

Như vậy các quan niệm trên thực chất chỉ là sự nhìn nhận bản chất chi phí từ các góc độ khác nhau. Từ đó ta có thể đi đến một biểu hiện chung nhất về chi phí sản xuất như sau:

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí khác mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định. Các chi phí này phát sinh có tính chất thường xuyên gắn liền với quá trình sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp.

*** Phân loại chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm nhiều khoản chi phí có nội dung, công dụng và mục đích sử dụng khác nhau. Để tổ chức hạch toán, quản lý, kiểm soát và khai thác thông tin về chi phí cũng như phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất kinh doanh cần phải được phân loại theo những tiêu thức phù hợp. Trong phạm vi của kế toán tài chính, chi phí sản xuất kinh doanh có thể được phân loại, nhận diện theo những tiêu thức cơ bản sau:

Phân loại chi phí theo nội dung (hay yếu tố) kinh tế của chi phí

Theo cách phân loại này, những khoản chi phí có chung tính chất kinh tế được xếp chung vào một yếu tố, không kể chi phí đó phát sinh ở địa điểm nào và chúng được dùng vào mục đích gì trong quá trình sản xuất kinh doanh, với cách phân loại này, chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành 5 yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu và vật liệu: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nguyên vật liệu phụ, chi phí nhiên liệu, chi phí phụ tùng thay thế và chi phí nguyên vật liệu khác dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí nhân công: bao gồm các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản trích theo lương như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp kinh phí công đoàn theo tiền lương của người lao động.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: bao gồm khấu hao của tất cả tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: bao gồm số tiền phải trả cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Chi phí khác bằng tiền: Phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong kỳ.

Cách phân loại chi phí theo yếu tố có tác dụng quan trọng đối với việc quản lý chi phí của lĩnh vực sản xuất cho phép hiểu rõ cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí là cơ sở để phân tích đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất. Đó cũng là căn cứ để tập hợp và lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố cung cấp cho quản trị doanh nghiệp.

Phân loại chi phí theo mối quan hệ với các khoản mục trên báo cáo tài chính

Căn cứ vào mục đích của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp, căn cứ vào công dụng kinh tế của chi phí, chi phí sản xuất kinh doanh được chia làm 2 loại: chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

- Chi phí sản xuất là toàn bộ chi phí liên quan đến việc chế tạo sản phẩm hoặc dịch vụ trong một thời kỳ nhất định.

Chi phí sản xuất được chia làm 3 loại:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Đây là những chi phí bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu và vật liệu khác trực tiếp sử dụng cho việc sản xuất để tạo ra sản phẩm và dịch vụ.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm chi phí về tiền lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn tính vào chi phí theo quy định.

+ Chi phí sản xuất chung: là chi phí phục vụ và quản lý sản xuất gắn liền với từng phân xưởng sản xuất, là loại chi phí tổng hợp gồm: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu và dụng cụ sản xuất của phân xưởng, chi phí khấu hao tài sản cố định ở phân xưởng.....

– Chi phí ngoài sản xuất: để tổ chức và thực hiện việc tiêu thụ sản phẩm, doanh nghiệp còn chịu một khoản chi phí ngoài khâu sản xuất. Đây là những khoản chi phí làm giảm lợi tức trong kỳ nên được gọi là chi phí ngoài sản xuất.

Chi phí ngoài sản xuất bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

+ Chi phí bán hàng: Chi phí này còn gọi là chi phí lưu thông, tiếp thị, phục vụ cho quá trình lưu thông hàng hóa, nó phản ánh các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ cho gồm các chi phí đóng gói, vận chuyển, giới thiệu, bảo hành sản phẩm...

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí này phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí quản lý kinh doanh, chi phí quản lý hành chính, chi phí chung khác liên quan các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong cung cấp thông tin về tài sản đã tiêu dùng trong quá trình kinh doanh, dự toán chi phí, có cơ sở cho việc định giá từng loại sản phẩm và tập hợp chi phí... cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính.

Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí và đối tượng chịu chi phí:

Theo cách phân loại này toàn bộ chi phí sản xuất được chia thành:

Chi phí trực tiếp: là những chi phí sản xuất có quan hệ trực tiếp đến việc sản xuất ra một loại sản phẩm, một công việc nhất định. Với những chi phí này kế toán có thể căn cứ số liệu, chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

Chi phí gián tiếp: là những chi phí có liên quan đến việc sản xuất ra nhiều loại sản phẩm, nhiều công việc. Đối với những loại chi phí này kế toán phải tập hợp lại cuối kỳ phân bổ cho các đối tượng liên quan theo những tiêu chuẩn nhất định.

Cách phân bổ này có ý nghĩa đối với việc xác định phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất cho các đối tượng một cách đúng đắn và hợp lý.

Ngoài ra còn một số cách phân loại chi phí sản xuất khác như:

- + Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung cấu thành của chi phí.
- + Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm sản xuất ra.
- + Phân loại chi phí sản xuất theo cách ứng xử của chi phí: chi phí của doanh nghiệp được chia thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

1.1.3.2: Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm

*** Khái niệm giá thành sản phẩm**

Sự vận động của quá trình sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất bao gồm 3 mặt đối lập nhưng có liên quan mật thiết với nhau. Một mặt là các chi phí mà doanh nghiệp chi ra, mặt khác là kết quả sản xuất thu được phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của xã hội cần được tính giá thành.

Vậy giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của các chi phí sản xuất tính cho một khối lượng hoặc một đơn vị sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất đã hoàn thành.

Bản chất của giá thành sản phẩm là sự chuyển dịch giá trị các yếu tố chi phí vào những sản phẩm hoàn thành. Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất đặc biệt là trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Để tồn tại và phát triển trong sự cạnh

tranh gay gắt của thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải thường xuyên cải tiến mặt hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

Giá thành sản phẩm có hai chức năng chủ yếu là chức năng thước đo bù đắp chi phí và chức năng lập giá. Đây là mức tối thiểu để xác định khả năng bù đắp chi phí và thực hiện giá trị sản phẩm, đồng thời là cơ sở để xác định giá bán sản phẩm sao cho bù đắp được mọi chi phí đầu vào của quá trình sản xuất, đánh giá hiệu quả của chi phí.

*** Phân loại giá thành sản phẩm**

Phân loại giá thành theo thời gian và cơ sở số liệu tính giá thành

+ Giá thành kế hoạch: là giá thành sản phẩm được tính toán trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Việc tính toán giá thành kế hoạch thực hiện và được tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

+ Giá thành định mức: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở định mức chi phí hiện hành. Việc tính giá thành định mức cũng được thực hiện trước khi bắt đầu quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành định mức là công cụ quản lý định mức của doanh nghiệp, là thước đo chính xác để xác định kết quả sử dụng tài sản, vật tư lao động trong sản xuất, giúp cho đánh giá đúng đắn các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện trong quá trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ Giá thành thực tế: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh và tập hợp được trong kỳ và sản lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất trong kỳ. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức và sử dụng các giải pháp kinh tế - tổ chức - kỹ thuật để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Phân loại giá thành theo phạm vi các chi phí cấu thành

Theo cách phân loại này, giá thành sản phẩm được chia thành hai loại:

+ Giá thành sản xuất: Là giá thành sản xuất của sản phẩm bao gồm các chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến việc sản xuất chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

Giá thành sản xuất được sử dụng để hạch toán thành phẩm nhập kho và giá vốn hàng bán (trong trường hợp bán thẳng cho khách hàng không qua nhập kho). Giá thành sản xuất là căn cứ để xác định giá vốn hàng bán của các doanh nghiệp.

+ Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ: bao gồm giá thành sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm đó. Như vậy giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ chỉ tính và xác định cho số sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất và đã tiêu thụ, đó là căn cứ để tính toán xác định lợi nhuận thuần trước thuế của doanh nghiệp.

1.1.3.3: Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm và chi phí sản xuất là hai chỉ tiêu có mối liên quan chặt chẽ với nhau trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm. Chi phí biểu hiện hao phí còn giá thành biểu hiện kết quả.

Đây là hai mặt thống nhất của một quá trình vì vậy chúng giống nhau về chất. Tuy nhiên, do bộ phận chi phí sản xuất giữa các kỳ không đồng đều nhau nên giá thành và chi phí sản xuất khác nhau về lượng. Sự khác biệt giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện ở chỗ:

+ Chi phí sản xuất luôn gắn với một thời kỳ nhất định, còn giá thành sản phẩm lại gắn liền với một loại sản phẩm, công việc hoặc lao vụ nhất định.

+ Trong giá thành sản phẩm chỉ bao gồm một phần chi phí thực tế đã phát sinh (chi phí trả trước) hoặc một phần chi phí sẽ phát sinh ở các kỳ sau, những chi phí đã ghi nhận là chi phí của kỳ này (chi phí phải trả).

+ Giá thành sản phẩm chứa đựng cả một phần chi phí của kỳ trước chuyển sang (chi phí về sản phẩm dở dang đầu kỳ).

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{dở dang đầu kỳ} & + & \text{phát sinh trong kỳ} & - & \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

Mỗi một loại hình doanh nghiệp với một lĩnh vực kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn phương pháp xác định sản phẩm dở dang cũng như phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành khác nhau.

1.1.4: Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Trong quản trị doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng luôn được các nhà quản lý doanh nghiệp quan tâm. Vì thế chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do vậy, kế toán doanh nghiệp cần phải xác định rõ nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm như sau:

+ Căn cứ vào đặc điểm, quy trình công nghệ sản xuất, đặc điểm tổ chức sản xuất và sản phẩm của doanh nghiệp mà xác định đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, xác định đối tượng và phương pháp tính giá thành phù hợp.

+ Thường xuyên kiểm tra đối chiếu và định kỳ phân tích tình hình thực hiện các định mức chi phí đối với chi phí trực tiếp, các dự toán chi phí đối với chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp để đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

+ Tổ chức bộ máy kế toán một cách khoa học, hợp lý trên cơ sở phân công rõ ràng trách nhiệm của từng nhân viên, từng bộ phận kế toán có liên quan đặc biệt bộ phận kế toán các yếu tố chi phí.

+ Thực hiện tổ chức chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ kế toán phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực, chế độ kế toán đảm bảo đáp

ứng được yêu cầu thu nhận - xử lý - hệ thống hoá thông tin về chi phí, giá thành của doanh nghiệp.

+ Tổ chức lập và phân tích các báo cáo kế toán về chi phí, giá thành sản phẩm, cung cấp những thông tin cần thiết về chi phí, giá thành sản phẩm, giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra được các quyết định một cách nhanh chóng, phù hợp với quá trình sản xuất – tiêu thụ sản phẩm.

+ Tổ chức kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang một cách khoa học và hợp lý, xác định giá thành và hạch toán giá thành sản phẩm hoàn thành sản xuất trong kỳ một cách đầy đủ và chính xác.

1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

1.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.2.1.1: Đối tượng kế toán chi phí sản xuất

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là các loại chi phí được thực hiện trong một phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí nhất định nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, phân tích chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Các chi phí phát sinh cần được tập hợp theo phạm vi, giới hạn có thể là:

- + Cho toàn doanh nghiệp, toàn bộ quy trình công nghệ giai đoạn sản xuất.
- + Theo từng phân xưởng, từng giai đoạn công nghệ sản xuất.
- + Theo từng sản phẩm, chi tiết sản phẩm, theo đơn đặt hàng.

1.2.1.2: Đối tượng kế toán giá thành sản phẩm

Đối tượng tính giá thành là sản phẩm cuối cùng của quy trình sản xuất (bán thành phẩm, thành phẩm...) hay đang trên dây chuyền sản xuất tùy theo yêu cầu của chế độ hạch toán kinh tế mà doanh nghiệp áp dụng và quá trình tiêu thụ sản phẩm cần phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Trong các doanh nghiệp sản xuất tùy thuộc vào đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp mà đối tượng tính giá thành có thể là:

- + Từng sản phẩm, từng công việc, từng đơn đặt hàng đã hoàn thành.
- + Từng chi tiết, bộ phận sản xuất.

Thông thường trong thực tế người ta hay chọn đối tượng tính giá thành phù hợp với quá trình công nghệ sản xuất của doanh nghiệp như:

+ Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn: Đối tượng tính giá thành là loại sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ.

+ Đối với quy trình phức tạp theo kiểu liên tục: Đối tượng tính giá thành có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn chế tạo hay thành phẩm chế tạo ở giai đoạn cuối cùng.

+ Đối với sản phẩm công nghệ phức tạp kiểu song song: Đối tượng tính giá thành là chi tiết, bộ phận sản phẩm hoàn thành và thành phẩm cuối cùng đã hoàn thành.

*** Song song với việc xác định đối tượng tính giá thành kế toán còn phải xác định kỳ tính giá thành.**

Kỳ tính giá thành là kỳ bộ phận kế toán giá thành cần tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Kỳ tính giá thành căn cứ vào chu kỳ sản xuất của sản phẩm và yêu cầu quản lý giá thành. Việc xác định kỳ tính giá thành thích hợp sẽ giúp cho tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm được khoa học, hợp lý, đảm bảo cung cấp số liệu thông tin về giá thành thực tế của sản phẩm, lao vụ kịp thời, trung thực.

Kỳ tính giá thành có thể là tháng, quý, năm hay có thể là khi hoàn thành xong đơn đặt hàng hoặc hoàn thành xong các hạng mục công trình.

+ Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất sản phẩm với chu kỳ ngắn, xen kẽ, liên tục thì kỳ tính giá thành phù hợp là tháng và vào thời điểm cuối tháng.

+ Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt theo đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất kéo dài, sản phẩm chỉ hoàn thành khi kết thúc chu kỳ sản xuất thì kỳ tính giá thành thường là thời điểm mà sản phẩm hoặc loại sản phẩm đã hoàn thành (trong trường hợp này kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo).

1.2.2. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Tùy theo từng loại chi phí và điều kiện cụ thể, kế toán có thể vận dụng các phương pháp hạch toán tập hợp chi phí thích hợp.

Có hai phương pháp tập hợp chi phí sản xuất mà các doanh nghiệp thường áp dụng:

1.2.2.1: Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trực tiếp

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trực tiếp đối với các chi phí có liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã xác định và công tác hạch toán, ghi chép ban đầu cho phép tập hợp trực tiếp các chi phí này vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan.

Đây là phương pháp tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí nên đảm bảo độ chính xác cao, nó cũng có ý nghĩa lớn đối với kế toán quản trị doanh nghiệp.

Thông thường chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp thường áp dụng phương pháp này

1.2.2.2: Phương pháp phân bổ chi phí sản xuất gián tiếp

Phương pháp phân bổ gián tiếp được áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Trường hợp này phải lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý để tiến hành phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan theo công thức:

$$\text{Mức phân bổ CPSX cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng CPSX}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của đối tượng}} \times \text{Tiêu thức phân bổ của đối tượng thứ } i$$

1.2.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm công việc còn đang trong quá trình sản xuất gia công, chế biến đang nằm trong các giai đoạn của quy trình công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn còn phải gia công chế biến mới trở thành sản phẩm.

Đánh giá sản phẩm dở dang là xác định và tính toán phần chi phí sản xuất còn nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ là một trong những yếu tố quyết định tính hợp lý của giá thành sản xuất sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Các thông tin về sản phẩm dở dang không những ảnh hưởng đến trị giá hàng tồn kho trên bảng cân đối mà còn ảnh hưởng đến lợi nhuận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thành phẩm xuất bán trong kỳ. Tùy theo đặc điểm tình hình cụ thể về tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, cơ cấu chi phí, yêu cầu trình độ quản lý của từng doanh nghiệp mà vận dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang thích hợp. Vì vậy, đánh giá sản phẩm dở dang có ý nghĩa rất quan trọng trong kế toán doanh nghiệp.

Có 3 phương pháp tính sản phẩm dở dang cuối kỳ:

1.2.3.1: Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp.

Theo phương pháp này, sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ tính toán theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (nguyên vật liệu chính trực tiếp). Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (nguyên vật liệu chính trực tiếp) được bỏ hết một lần ngay từ đầu vào quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có dở dang cuối kỳ bằng 0 được tính cho sản phẩm hoàn thành.

Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị SPDD cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị SPDD đầu kỳ} + \text{Chi phí NVLTT PS trong kỳ}}{\text{SL SP hoàn thành} + \text{SL SP dd cuối kỳ}} \times \text{SL SP dd cuối kỳ}$$

1.2.3.2: Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương

Theo phương pháp này, kế toán dựa theo mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành rồi từ đó xác định từng khoản mục chi phí nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Đối với chi phí bỏ hết một lần ngay từ đầu vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) được phân bổ đều 100% cho cả sản phẩm thì cách tính giống với phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (nguyên vật liệu chính trực tiếp).

Đối với chi phí bỏ dần vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) chỉ được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành.

$$\text{Giá trị SPDD cuối kỳ} = \frac{\text{CP SP DD đầu kỳ} + \text{CP NVL thực tế PS trong kỳ}}{\text{SLSP hoàn thành} + \text{SL SP ddqđ cuối kỳ}} \times \text{SLSPddqđ cuối kỳ}$$

$$\text{SLSPddqđ} = \text{SLSP dd} * \text{Tỷ lệ hoàn thành(\%)}$$

Trong đó:

SLSP ddqđ: Khối lượng sản phẩm dở dang đã được tính đổi ra khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương theo mức độ hoàn thành

Khi áp dụng phương pháp này kết quả tính toán giá trị sản phẩm dở dang mang tính chính xác cao. Tuy nhiên khối lượng tính toán lớn nên mất nhiều thời gian. Mặt khác, việc xác định mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp mang nặng tính chủ quan. Phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp mà sản phẩm của doanh nghiệp có tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tổng chi phí sản phẩm không quá lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều biến động lớn so với đầu kỳ.

1.2.3.3: Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá thành định mức

Phương pháp này áp dụng phù hợp nhất ở những doanh nghiệp mà hệ thống kế hoạch chi phí có độ chính xác cao. Theo phương pháp này, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ được tính theo giá thành kế hoạch.

$$\text{Giá trị SPDD cuối kỳ} = \text{Chi phí sản xuất định mức đơn vị sản phẩm} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành}$$

1.2.4. Phương pháp tính giá thành

1.2.4.1: Phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp)

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước các doanh nghiệp khai thác (quặng, than...),

Công thức tính:

$$Z = Dđk + Cps - Dck$$

$$Zđv = \frac{Z}{Qht}$$

Dđk, Dck: Chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ

Cps: Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

Z, Zđv: Tổng giá thành và giá thành đơn vị

Qht: Số lượng sản phẩm hoàn thành

1.2.4.2: Phương pháp hệ số

Phương pháp này áp dụng trong cùng một quy trình công nghệ sản xuất với cùng một loại nguyên vật liệu tiêu hao, thu được nhiều loại sản phẩm khác nhau.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất căn cứ vào hệ số tính giá thành quy định cho từng loại sản phẩm, trình tự các bước như sau:

Quy đổi sản lượng thực tế từng loại sản phẩm theo hệ số tính giá thành để làm tiêu thức phân bổ.

$$\text{Tổng số lượng quy đổi} = \text{Tổng số lượng thực tế } SP_i \times \text{hệ số } SP_i$$

$$\text{Hệ số phân bổ chi phí } SP_i = \frac{\text{Sản lượng quy đổi } SP_i}{\text{Tổng sản lượng quy đổi}}$$

$$\text{Tổng giá thành } SP_i = \left[\begin{array}{ccc} \text{SLDD} & + & \text{CPSX} & - & \text{SLDD} \\ \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array} \right] \times \text{Hệ số phân bổ } SP_i$$

1.2.4.3: Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách phẩm chất khác nhau như may mặc, dệt kim, đóng giày, cơ khí chế tạo (dụng cụ, phụ tùng...). Để giảm bớt khối lượng hạch toán, kế toán thường tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất định mức kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm từng loại.

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm từng loại} = \frac{\text{Giá thành kế hoạch hoặc định mức đơn vị sản phẩm từng loại}}{\text{Tỷ lệ chi phí}}$$

$$\text{Tỷ lệ chi phí} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của tất cả các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch của tất cả các loại sản phẩm}}$$

1.2.4.4: Phương pháp tính tổng theo đơn đặt hàng

Phương pháp này áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc, hàng loạt nhỏ hoặc hàng loạt vừa theo các đơn đặt hàng.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là đơn đặt hàng hoàn thành hoặc từng loạt hàng. Kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ tính báo cáo mà là khi đơn đặt hàng hoàn thành.

Nếu trong tháng đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì hàng tháng vẫn phải mở sổ kế toán tập hợp chi phí sản xuất cho đơn đặt hàng đó, khi hoàn thành tổng cộng chi phí sản xuất của các tháng lại ta sẽ có tổng của đơn đặt hàng.

Nếu đơn đặt hàng được sản xuất, chế tạo ở nhiều phân xưởng khác nhau thì tính toán, xác định chi phí của từng phân xưởng liên quan đến đơn đặt hàng đó:

Chi phí trực tiếp tập hợp thẳng vào đơn đặt hàng đó.

Chi phí sản xuất chung cần phải phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

1.2.4.5: Tính giá thành theo phương pháp loại trừ sản phẩm phụ

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất, bên cạnh các sản phẩm chính thu được còn có thể thu được các sản phẩm phụ như các doanh nghiệp mía đường, bia... Để tính giá trị

sản phẩm chính kế toán phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ khỏi tổng chi phí sản xuất sản phẩm.

$$\begin{array}{ccccccc} & \text{Giá trị sản} & & \text{Tổng} & & \text{Giá trị sản} & & \text{Giá trị SP} \\ & \text{phẩm chính} & & \text{CPSX} & & \text{phẩm phụ} & & \text{chính} \\ \text{Tổng giá} & & & & & & & \\ \text{thành SP} & = & & + & & - & & - \\ \text{chính} & & \text{đỡ dang đầu} & & \text{phát sinh} & & \text{đỡ dang cuối} & \\ & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} & \\ & & & & & & & \text{thu hồi} \end{array}$$

1.2.4.6: Tính giá thành theo phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này được áp dụng với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất gồm nhiều giai đoạn công nghệ như trong các doanh nghiệp khai thác, dệt, nhuộm, cơ khí chế tạo máy, may mặc...

Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z1 + Z2 + Z3 + \dots + Zn$$

Z1, Z2, Z3, ..., Zn là giá thành hay tổng chi phí sản xuất của giai đoạn hoặc bộ phận 1, 2, 3, ..., n

1.2.4.7: Tính giá thành theo định mức

Phương pháp này được áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất một nhóm các loại thành phẩm có cùng cấu trúc khoản mục chi phí nguyên vật liệu như nhau, nhưng có định mức khác nhau, các chi phí sản xuất chỉ có thể bóc tách theo từng nhóm thành phẩm. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo, thực phẩm, gạch, xi măng...

Căn cứ vào giá thành định mức, sự thoát ly định mức và thay đổi định mức giữa kỳ trước với kỳ này để tính ra giá thành thực tế của thành phẩm trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành định} & & \text{Chênh lệch do} & & \text{Chênh lệch do} \\ \text{thực tế} & = & \text{mức mới} & \pm & \text{thay đổi định mức} & \pm & \text{thoát ly định mức} \end{array}$$

1.2.4.8: Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp phân bước

Phương pháp này thường được áp dụng tại các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp kiểu sản xuất liên tục, sản phẩm trải qua nhiều giai đoạn,

nhều bước nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định, mỗi bước tạo ra một loại bán thành phẩm. Bán thành phẩm của bước này là đối tượng chế biến của bước tiếp theo, cứ như vậy cho đến bước cuối cùng để tạo ra thành phẩm hoàn chỉnh. Do vậy, tùy theo đặc điểm, tình hình cụ thể mà đối tượng tính giá thành trong các doanh nghiệp loại hình này có thể là thành phẩm ở giai đoạn công nghệ cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối.

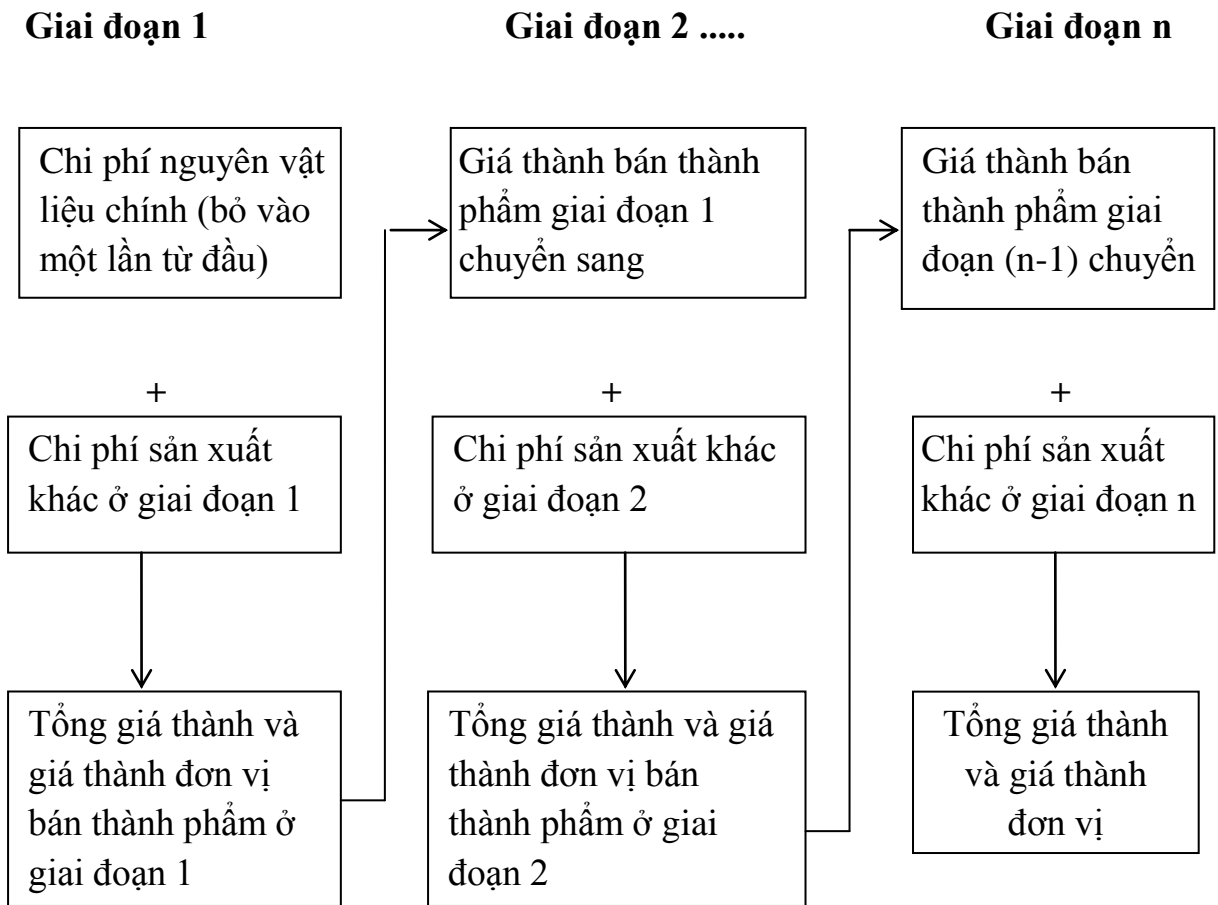
Khi thực hiện phương pháp phân bước thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là từng giai đoạn công nghệ hoặc từng phân xưởng sản xuất riêng biệt tham gia vào quy trình tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh. Đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm, cũng có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn công nghệ. Chính vì sự khác nhau về đối tượng tính giá thành nên kế toán có thể lựa chọn một trong hai phương án sau:

Phương án 1: Tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm (còn gọi là phương án kết chuyển tuần tự)

Phương án này áp dụng cho doanh nghiệp có quy trình sản xuất mà mỗi giai đoạn có yêu cầu tính giá thành bán thành phẩm do bán thành phẩm có giá trị sử dụng độc lập có thể nhập kho đem bán hoặc tiếp tục chế biến. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ.

Đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm của các giai đoạn công nghệ và sản phẩm hoàn thành. Việc kết chuyển chi phí từ giai đoạn trước sang giai đoạn sau được thực hiện tuần tự theo từng khoản mục chi phí.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kết chuyển tuần tự chi phí để tính giá thành



Cách tính như sau:

Căn cứ vào chi phí sản xuất đã tập hợp ở giai đoạn 1 để tính giá thành của bán sản phẩm thành phẩm ở giai đoạn 1 theo công thức:

$$\begin{matrix} \text{Giá thành bán} \\ \text{thành phẩm} \\ \text{giai đoạn 1} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{CP} \\ \text{VLTT} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{CP chế} \\ \text{biến giai} \\ \text{đoạn 1} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Giá thành sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{đang đầu kỳ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá thành} \\ \text{sản phẩm dở} \\ \text{đang cuối kỳ} \end{matrix}$$

Tại giai đoạn 2 kế toán tính theo công thức:

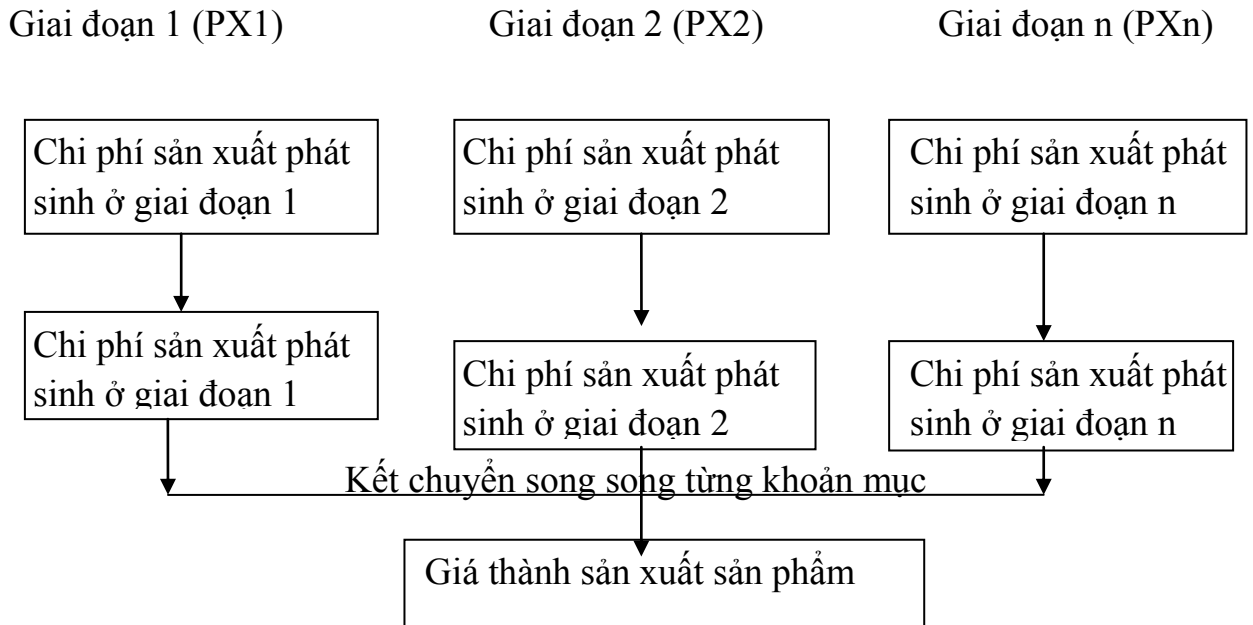
$$\begin{matrix} \text{Giá thành bán} \\ \text{thành phẩm} \\ \text{giai đoạn 2} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{CP} \\ \text{VLTT} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{CP chế biến} \\ \text{giai đoạn 2} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Giá thành} \\ \text{sản phẩm dở} \\ \text{đang đầu kỳ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá thành} \\ \text{sản phẩm dở} \\ \text{đang cuối kỳ} \end{matrix}$$

Cứ tuần tự tính đến giá thành sản phẩm đến giai đoạn n theo phương pháp này.

Phương án 2: Tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm (còn gọi là phương án kết chuyển song song)

Phương pháp này được áp dụng thích hợp đối với doanh nghiệp sản xuất kiểu phức tạp chế biến kiểu liên tục không tiêu thụ bán thành phẩm hoặc việc tiêu thụ này có ý nghĩa không lớn. Việc tính giá thành sản phẩm bước cuối cùng được thể hiện trên sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kết chuyển song song chi phí để tính giá thành



Theo phương pháp này mỗi bước chế biến chỉ tính chi phí chế biến của bước đó, không tính giá thành bán thành phẩm của bước khác chuyển sang. Chi phí chế biến của các bước sẽ tính nhập vào giá thành của sản phẩm theo phương pháp kết chuyển song song theo sơ đồ.

1.3. Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

1.3.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.3.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm: các khoản chi phí về nguyên liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ....sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc lao vụ, dịch vụ.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường được quản lý theo các định mức chi phí do doanh nghiệp xây dựng.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế trong kỳ được xác định theo công thức:

$$\begin{matrix} \text{CP NVLTT} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá phé} \\ \text{thực tế trong} & = & \text{NVLTT còn} & + & \text{NVLTT xuất} & - & \text{NVLTT còn} & - & \text{liệu thu} \\ \text{kỳ} & & \text{lại đầu kỳ} & & \text{dùng trong kỳ} & & \text{lại cuối kỳ} & & \text{hồi(nếu có)} \end{matrix}$$

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí đó có thể tập hợp theo phương pháp trực tiếp.

Trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí mà không thể tập hợp trực tiếp được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp.

$$\begin{matrix} \text{CP NVLTT} & & \text{Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp} & & & & \text{Đại lượng} \\ \text{phân bổ cho} & = & \text{đã tập hợp cần phân bổ} & & & & \text{của tiêu thức} \\ \text{đối tượng thứ i} & & \frac{\text{Tổng đại lượng của tiêu thức cần được}}{\text{phân bổ}} & & \times & & \text{phân bổ thứ i} \end{matrix}$$

Đối với chi phí nguyên vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài có thể chọn tiêu chuẩn phân bổ là: chi phí định mức, chi phí kế hoạch, khối lượng sản phẩm sản xuất,....

Đối với chi phí vật liệu phụ, nhiên liệu..... thể chọn tiêu chuẩn phân bổ là: chi phí định mức, chi phí kế hoạch, chi phí nguyên vật liệu chính, khối lượng sản phẩm sản xuất...

* **Chứng từ sử dụng:** phiếu đề nghị xuất vật tư, phiếu xuất kho, ...

* **Tài khoản sử dụng**

Đề tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng TK621:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Kết cấu của TK621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Bên nợ:

+ Trị giá vốn nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ trong kỳ.

- Bên có:

+ Trị giá vốn nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho.

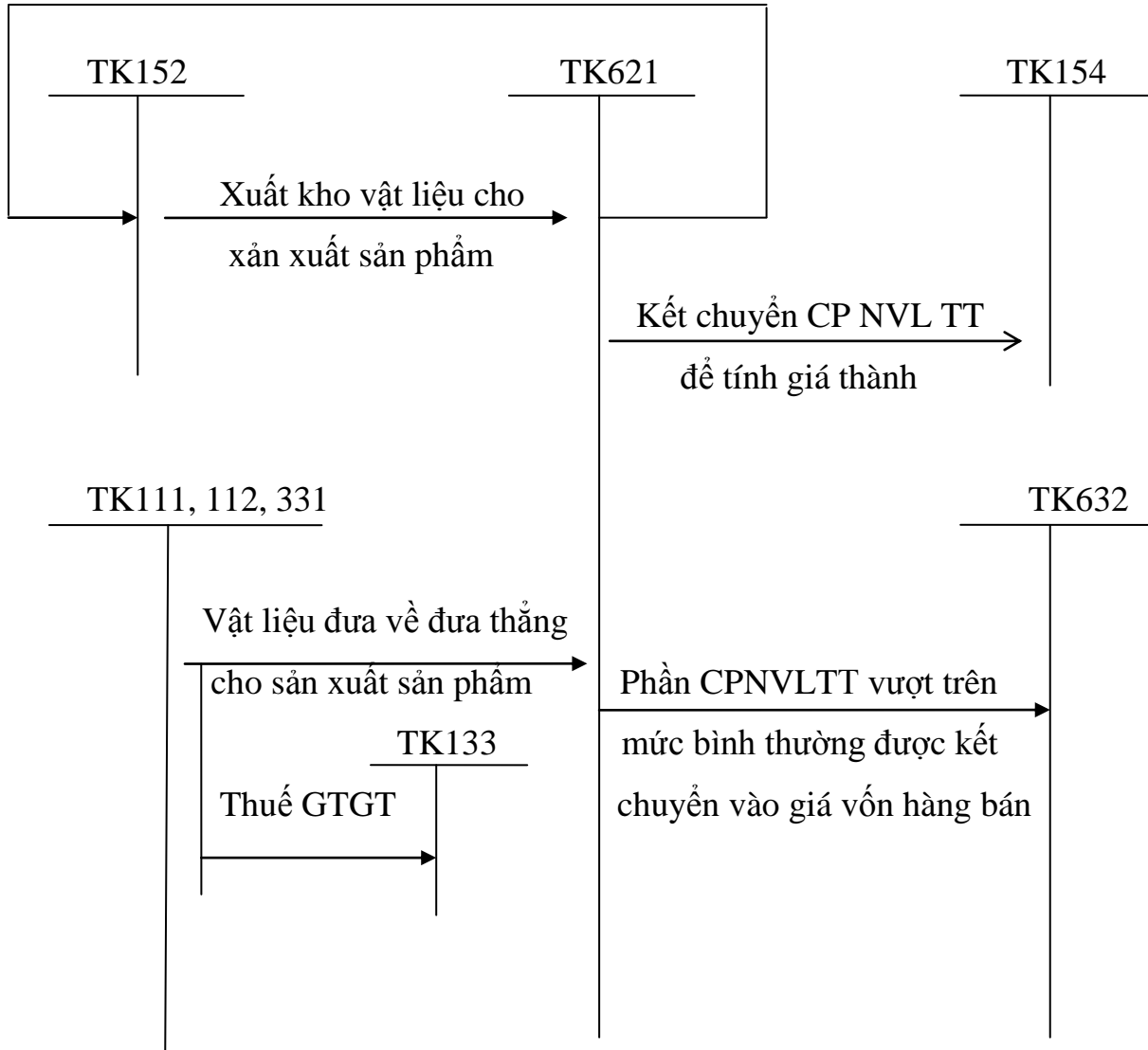
+ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tính giá thành sản phẩm

+ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường

TK 621 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho



1.3.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là số tiền thù lao lao động mà doanh nghiệp phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ trong kỳ như lương cơ bản, phụ cấp có tính chất lương, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định của Nhà nước do doanh nghiệp phải chịu.

Chi phí nhân công trực tiếp thường được tính trực tiếp vào đối tượng chịu chi phí liên quan. Trường hợp chi phí nhân công trực tiếp có liên quan đến nhiều đối tượng mà không hạch toán trực tiếp được thì có thể tập hợp chung sau đó chọn tiêu thức phân bổ thích hợp để tính toán phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí liên quan.

Tiêu thức phân bổ có thể là: ngày công, giờ công định mức, giờ công thực tế (chủ yếu đối với tiền lương, phụ cấp của công nhân sản xuất)

*** Tài khoản sử dụng**

Đề tập hợp chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng TK622: Chi phí nhân công trực tiếp

Kết cấu của TK622

– Bên nợ:

+ Chi phí nhân công trực tiếp tham gia quá trình sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ bao gồm: tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích trên tiền lương, tiền công theo quy định phát sinh trong kỳ.

– Bên có:

+ Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để tính giá thành sản phẩm.

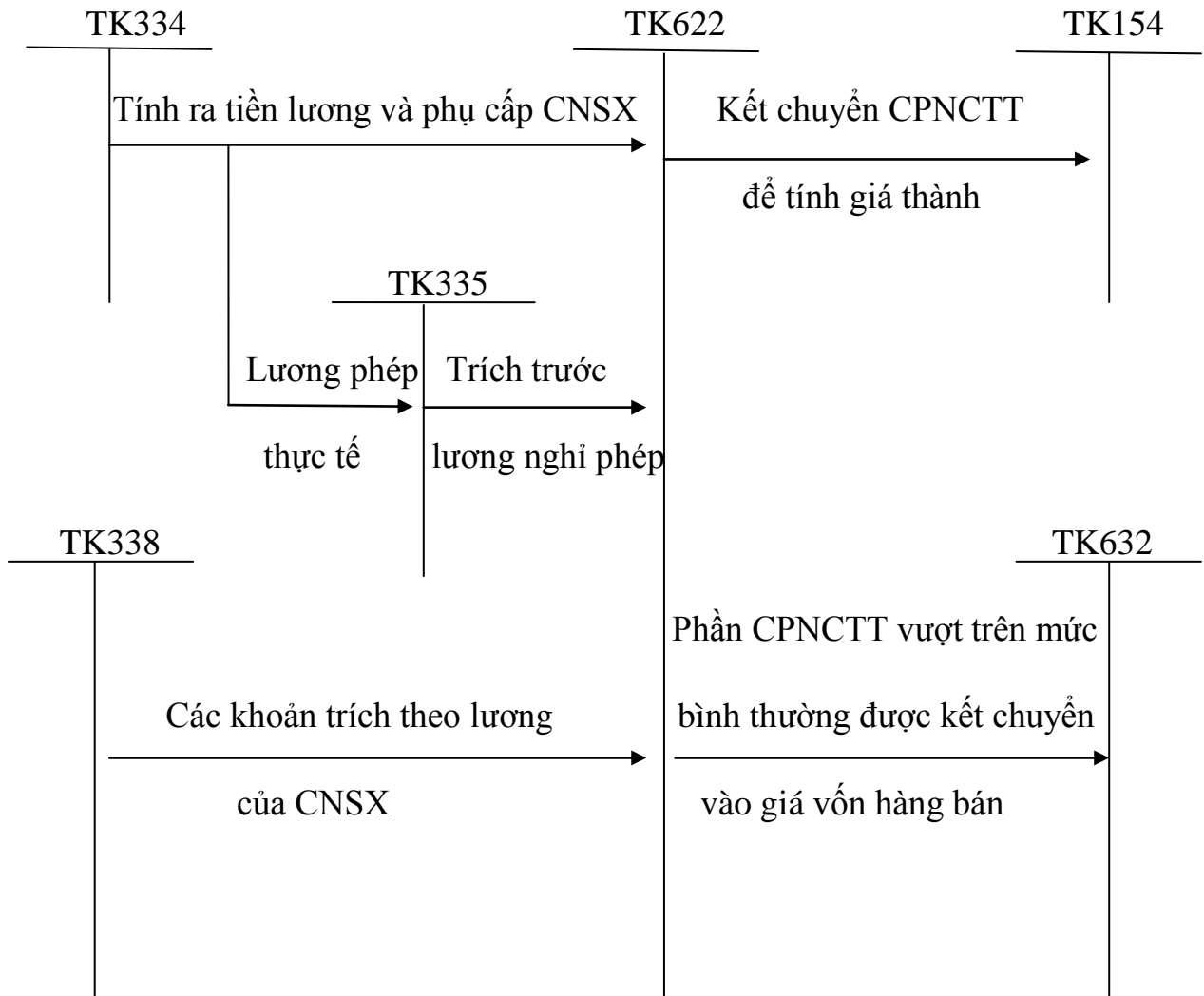
+ Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường vào TK 632 “giá vốn hàng bán”

TK 622 không có số dư cuối kỳ

*** Chứng từ sử dụng:** bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương ...

* Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.



1.3.1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là chi phí liên quan đến quản lý và phục vụ sản xuất trong phạm vi phân xưởng, bộ phận, đội sản xuất.

Chi phí sản xuất chung bao gồm chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

Các chi phí sản xuất chung thường được hạch toán chi tiết riêng theo từng địa điểm phát sinh chi phí: phân xưởng, bộ phận, tổ đội sản xuất sau đó mới tiến hành phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí liên quan.

Việc phân bổ được tiến hành dựa trên các tiêu thức phân bổ hợp lý: chi phí tiền công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp,....

Phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng đối tượng tính giá thành :

$$\text{Mức phân bổ CPSXC cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng CPSXC cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} * \text{phân bổ của từng đối tượng}$$

* **Chứng từ sử dụng:** phiếu xuất kho, bảng chấm công, bảng thanh toán lương và các khoản trích theo lương, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, phiếu chi...

* **Tài khoản sử dụng**

Đề tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung kế toán sử dụng TK627: chi phí sản xuất chung

Kết cấu của TK627

– *Bên nợ:*

+ Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

– *Bên có:*

+ Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung (nếu có)

+ Chi phí sản xuất chung được phân bổ, kết chuyển chi phí cho các đối tượng chịu chi phí.

+ Chi phí sản xuất chung không được phân bổ, kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

TK 627 không có số dư cuối kỳ và được mở 6 tài khoản cấp 2 để tập hợp theo yếu tố chi phí.

TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng

TK 6272: Chi phí vật liệu

TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất

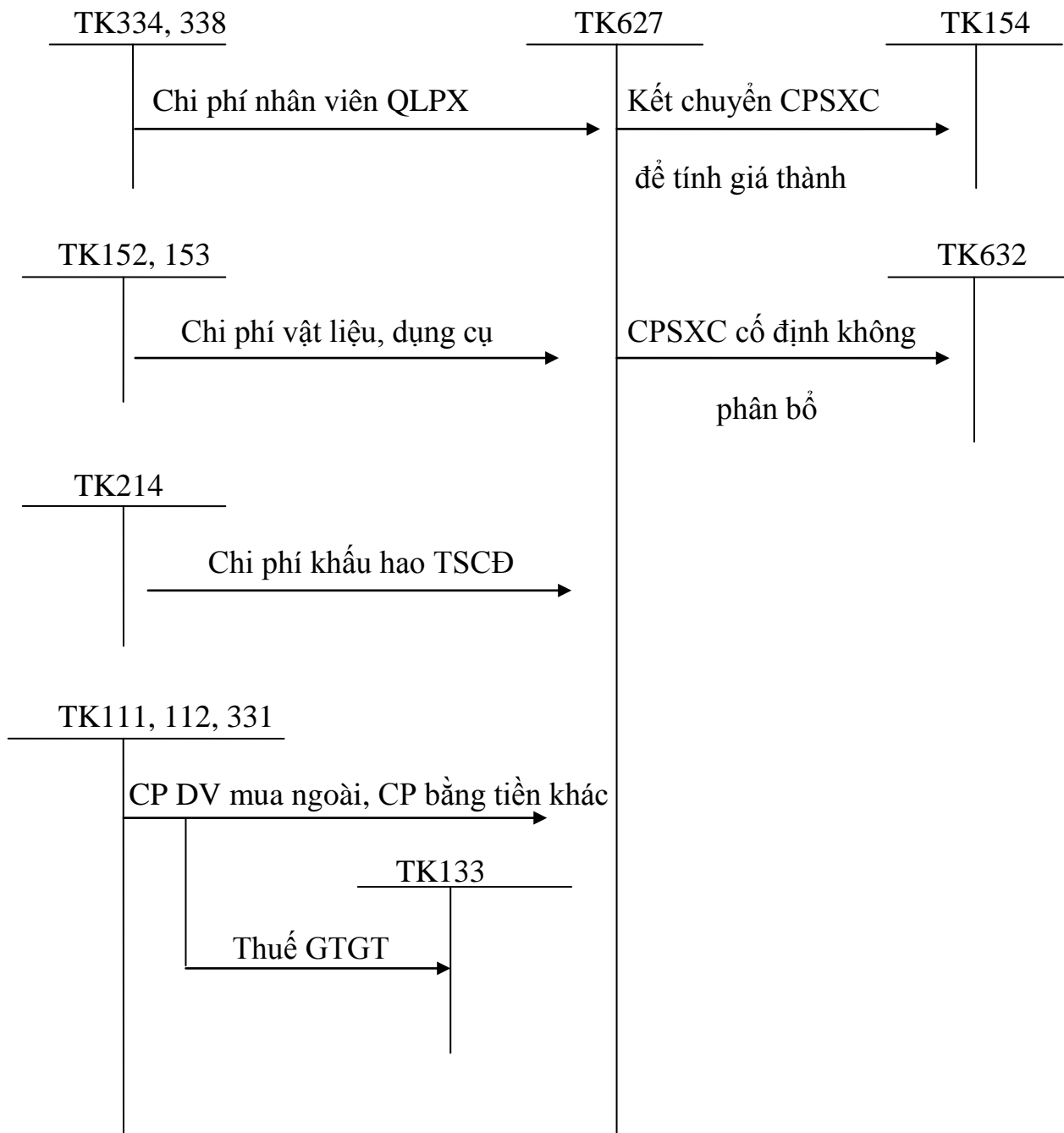
TK 6274: Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278: Chi phí bằng tiền khác.

* Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán chi phí sản xuất chung



1.3.1.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm

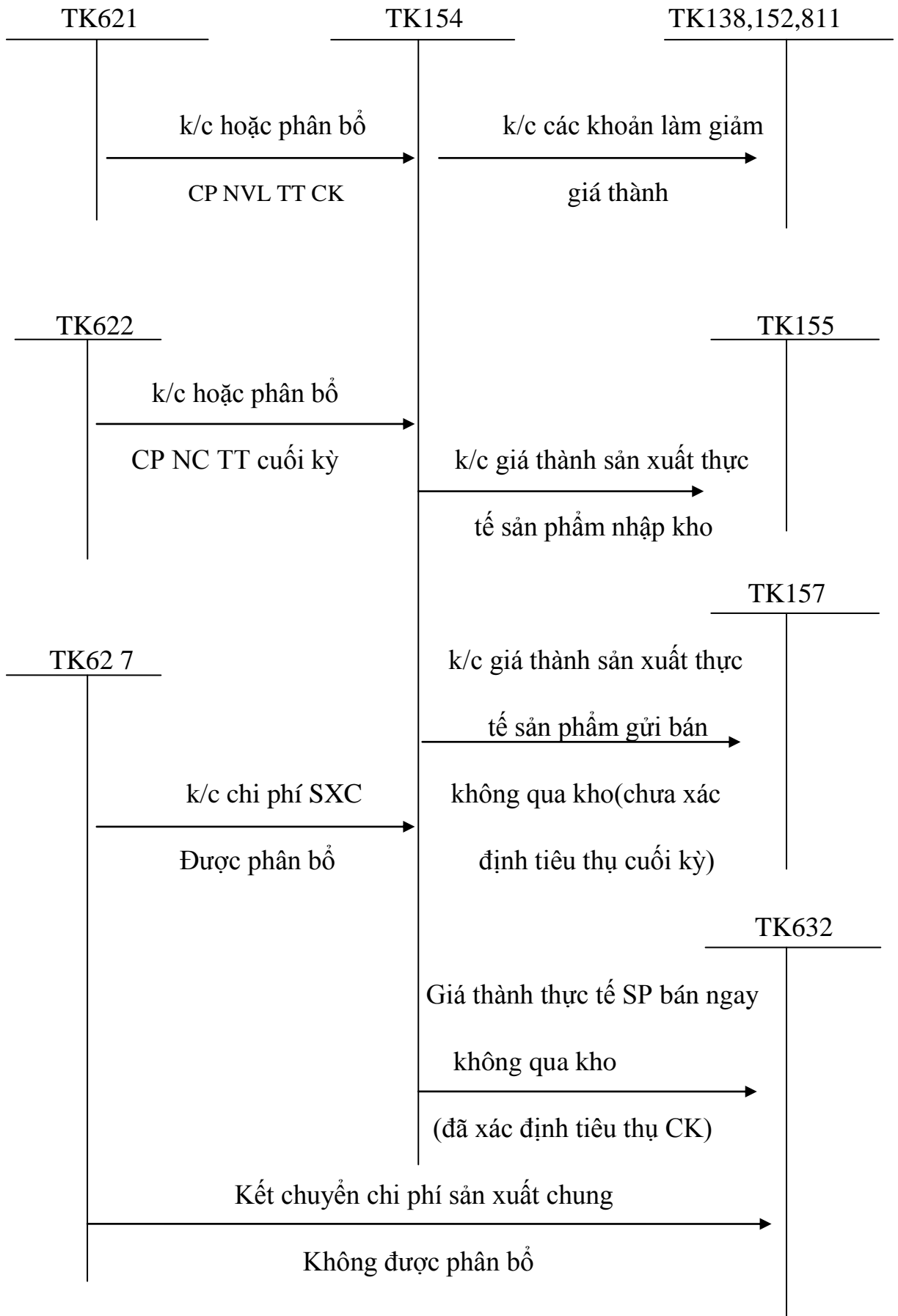
Sau khi tập hợp chi phí sản xuất theo từng khoản mục kế toán cần kết chuyển và tập hợp chi phí sản xuất theo từng đối tượng chịu chi phí về cả ba khoản mục chi phí (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung), để phục vụ cho việc đánh giá sản phẩm làm dở cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm.

Tất cả các chi phí đều được tập hợp vào TK154: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Kết cấu TK154

- *Bên nợ:*
 - + Kết cấu các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung
- *Bên có:*
 - + Các khoản giảm giá thành
 - + Tổng chi phí sản xuất của sản phẩm đã hoàn thành trong kỳ
- *Số dư bên nợ:*
 - + Phản ánh chi phí sản phẩm còn dở dang cuối kỳ

Sơ đồ 1.6: Trình tự kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.3.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức :

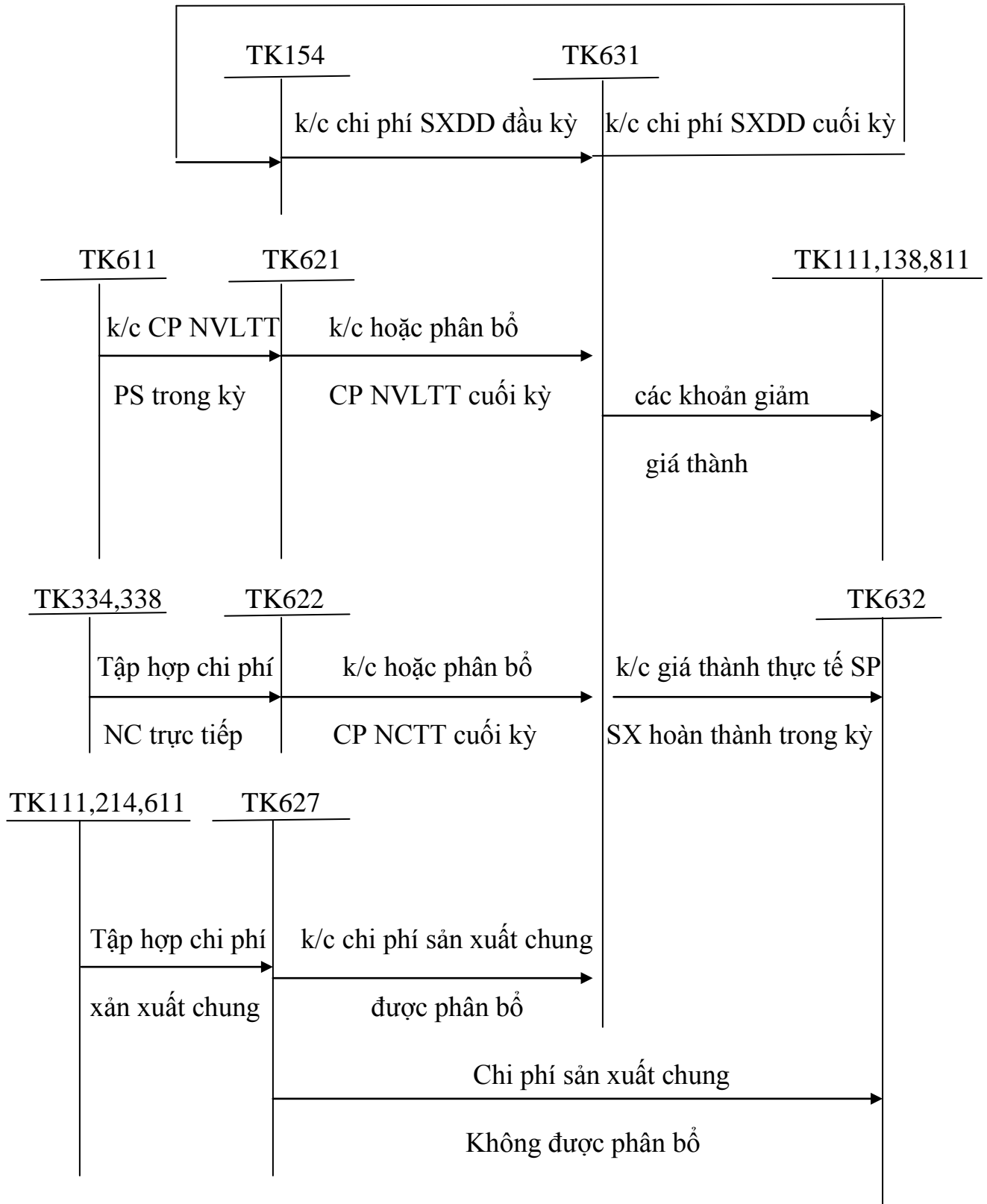
$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá vật tư hàng} & & \text{Trị giá tồn} & & \text{Trị giá nhập} & & \text{Trị giá tồn} \\ \text{hoá xuất kho} & = & \text{đầu kỳ} & + & \text{trong kỳ} & - & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hóa, vật tư với qui cách, mẫu mã khác nhau, giá trị thấp, hàng hóa, vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên (cửa hàng bán lẻ...)

Phương pháp này giống với phương pháp kê khai thường xuyên ở chỗ tài khoản dùng để tập hợp chi phí sản xuất vẫn là các TK 621, 622, 627 vì các tài khoản này không liên quan đến hàng tồn kho. Do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, TK 154 chỉ sử dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên TK 631 – giá thành sản xuất. TK 631 cũng được hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh chi phí (tổ, đội sản xuất, phân xưởng) và theo loại, nhóm sản phẩm.

*Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.7: Trình tự kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Theo chế độ kế toán hiện hành, doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

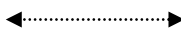
Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán mà lựa chọn hình thức kế toán phù hợp.

Hình thức kế toán thực chất là hình thức tổ chức sổ kế toán. Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán chính là hình thức tổ chức các sổ kế toán để hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm.

Ghi chú :

Ghi hàng ngày : 

Ghi cuối kỳ : 

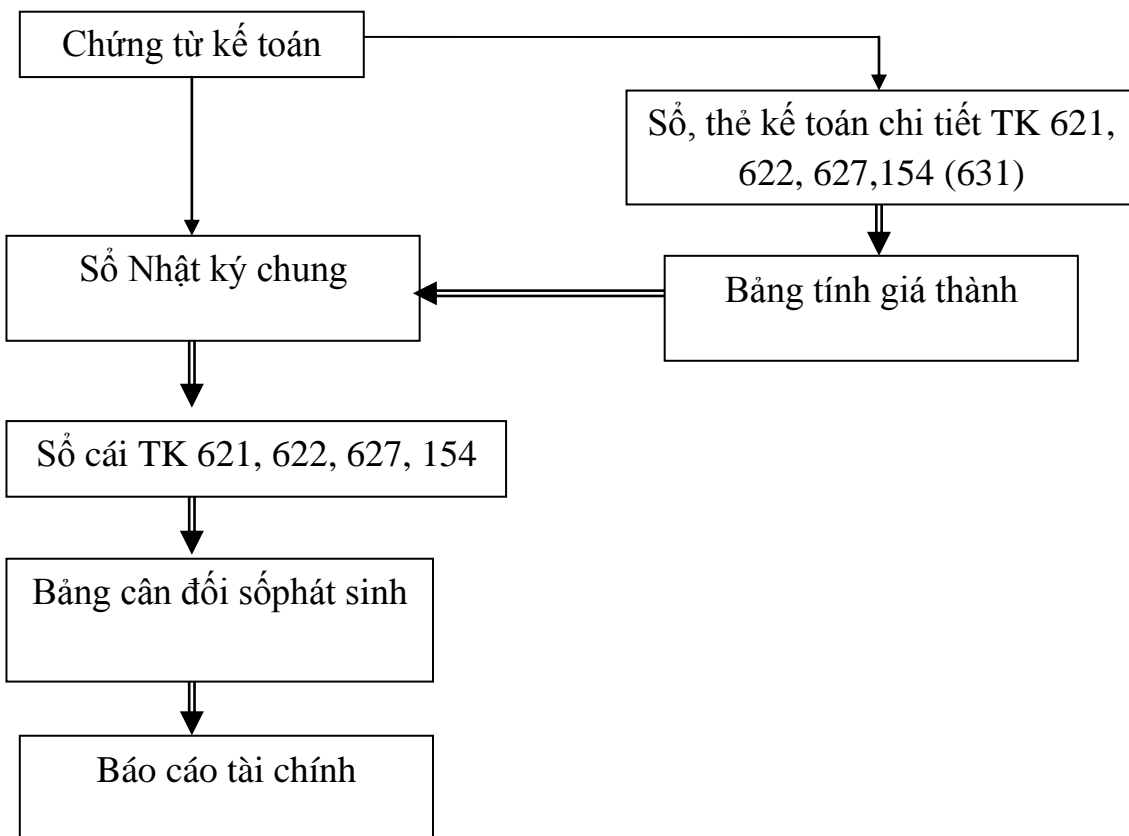
Đối chiếu, kiểm tra : 

1.4.1: Hình thức nhật ký chung

Hình thức nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung

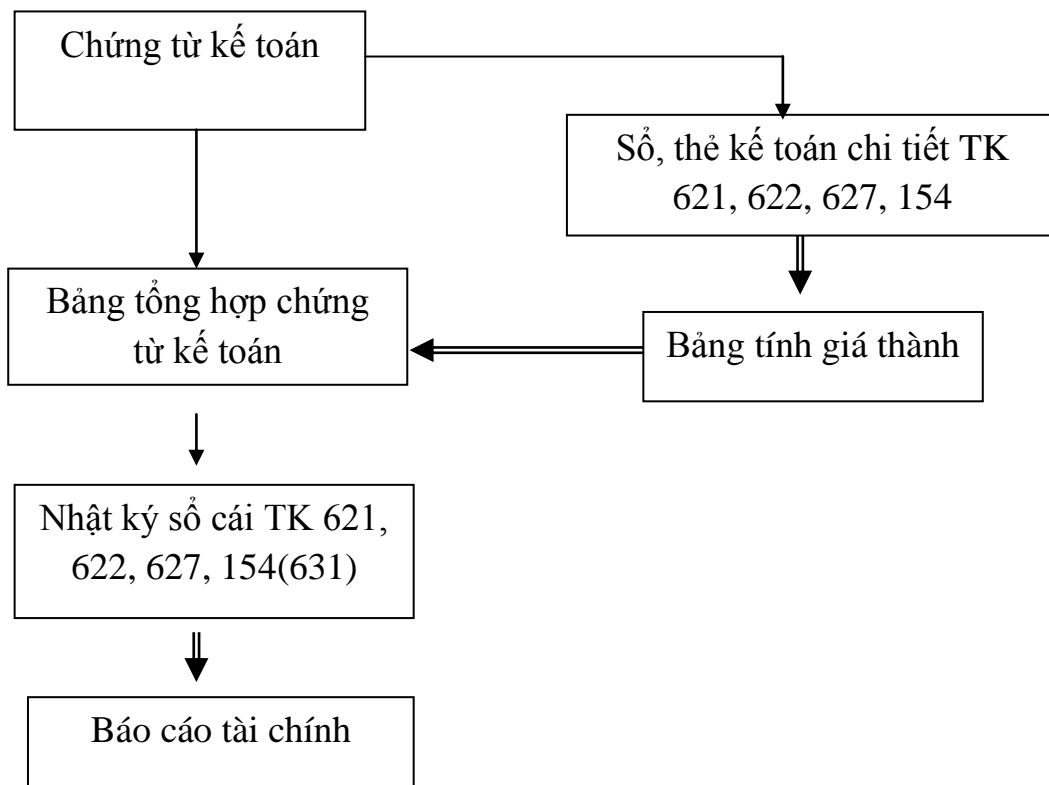


1.4.2: Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Hình thức Nhật ký – Sổ cái bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký sổ cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

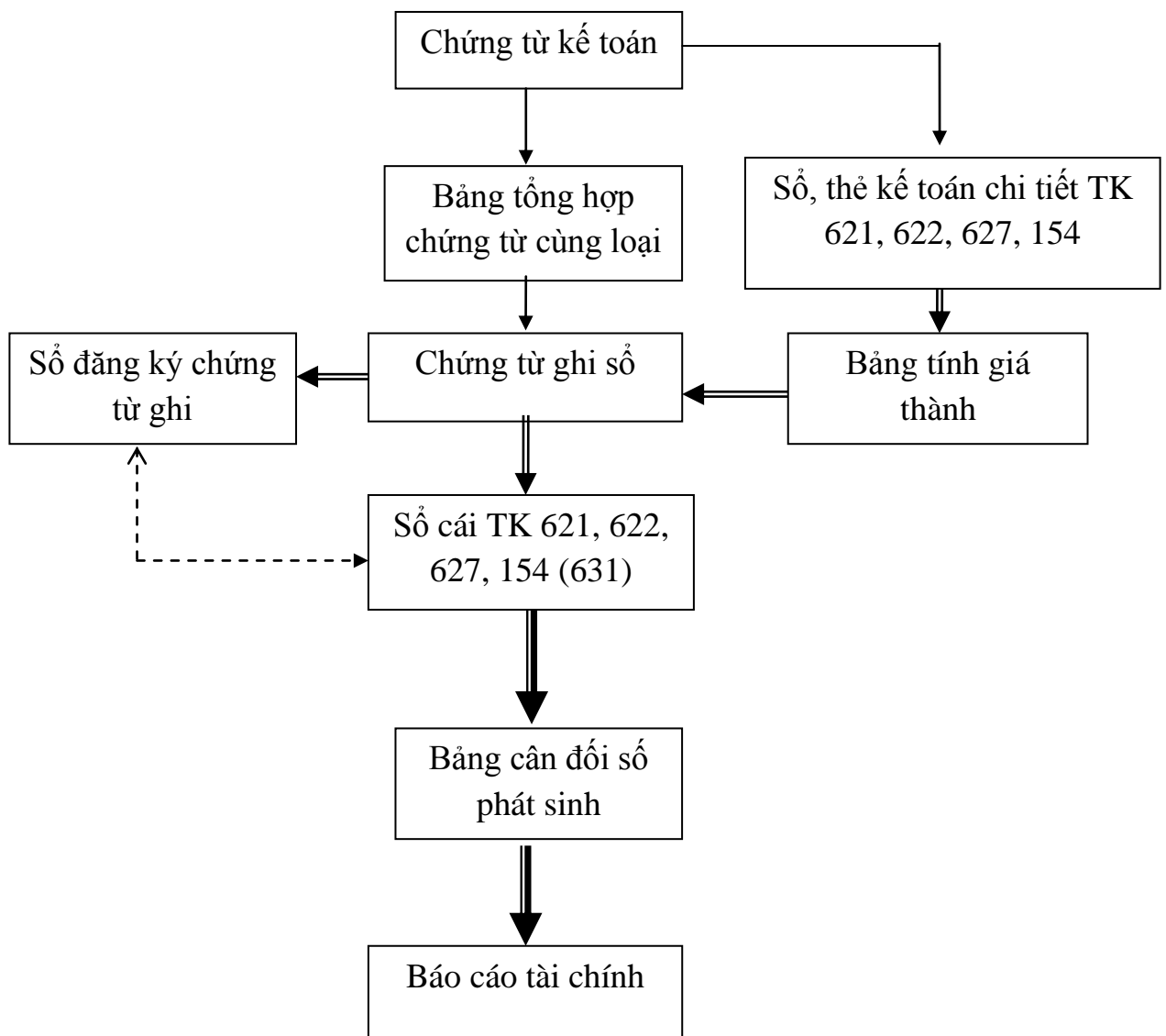


1.4.3: Hình thức chứng từ ghi sổ

Hình thức chứng từ ghi sổ bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Chứng từ kế toán
- Sổ cái các tài khoản
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

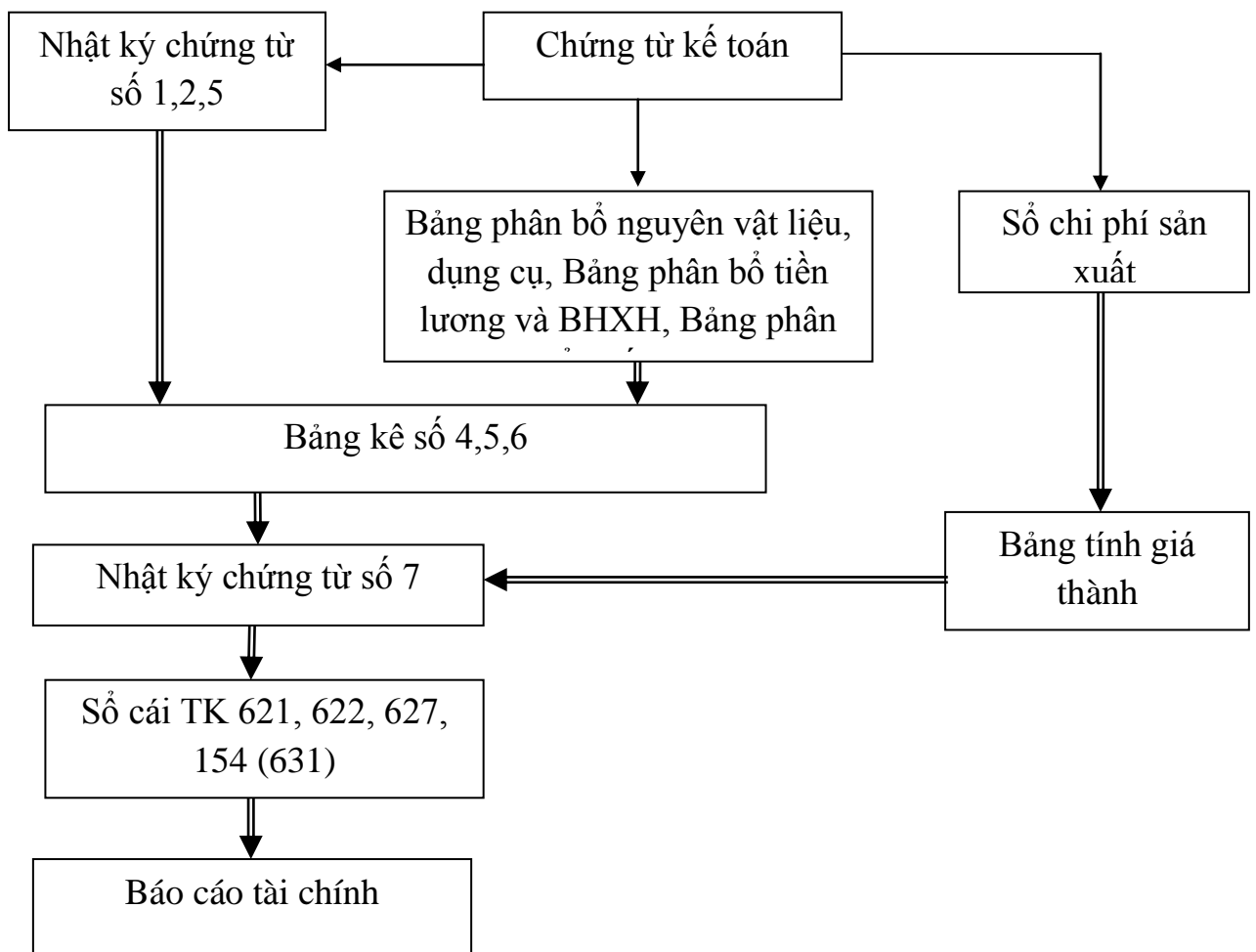


1.4.4: Hình thức Nhật ký chứng từ

Hình thức chứng từ ghi sổ bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký chứng từ, bảng kê
- Sổ cái các tài khoản
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật lý chứng từ

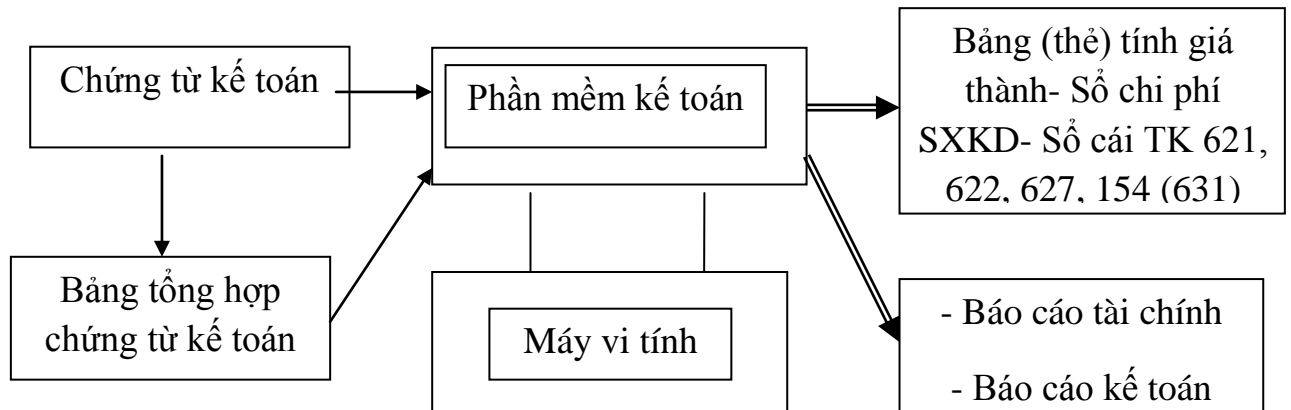


1.4.5: Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hình thức kế toán trên máy vi tính bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Phần mềm kế toán
-

Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính



CHƯƠNG II

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP
CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
TẠI CÔNG TY TNHH AN PHA**

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH An Pha

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH An Pha

- Tên doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn An Pha.
- Tên giao dịch quốc tế: Anpha Limited Company.
- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Quán Trữ, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 0312.211.668 – 0313.678.988
- Mã số thuế: 0200504565
- Vốn điều lệ: 34.700.000.000
- Email : info@anphaco.net
- Website : <http://www.anphaco.net>
- Giám đốc : Nguyễn Đăng Cầu

Anpha tên giao dịch quốc tế là Anpha Limited Company là doanh nghiệp chuyên sản xuất bánh kẹo có chất lượng hàng đầu tại Việt Nam.

Công ty TNHH An Pha là công ty TNHH có 2 thành viên trở lên và được thành lập căn cứ vào luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH 10 được Quốc hội thông qua ngày 12/6/1999 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Doanh nghiệp.

Ngày 15 tháng 5 năm 2000, công ty TNHH An Pha được cấp giấy phép kinh doanh số 0202000058 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Ban đầu địa chỉ trụ sở chính của công ty ở số 176 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng, đến năm 2003 công ty chuyển trụ sở chính về Cụm công nghiệp Quán Trữ, Phường Quán Trữ, Quận Kiến An, thành phố Hải Phòng và xin cấp lại giấy phép kinh doanh lần 2 ngày 26/09/2003.

Cho đến nay, công ty đã 6 lần xin cấp lại giấy phép kinh doanh, tuy nhiên vẫn đặt trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Quán Trữ, Phường Quán Trữ, Quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Hơn 10 năm hoạt động công ty TNHH An Pha đã thu được nhiều thành tựu đáng kể. Ban đầu công ty chỉ phân phối sản phẩm cho các cửa hàng, đại lý trong địa bàn thành phố, với ít chủng loại hàng hóa, nhân lực hạn chế, nhưng đến nay, công ty đã có lượng khách hàng đông đảo, đã có các đại lý phân phối ở miền bắc, miền trung và miền nam, tuy nhiên chủ yếu là khu vực phía bắc.

Đến nay, công ty TNHH An Pha đã trở thành một trong những doanh nghiệp có uy tín trên thị trường, đời sống nhân viên ổn định, có trách nhiệm cao trong các khâu sản xuất sản phẩm, tay nghề của đội ngũ công nhân ngày càng được nâng cao.

Mặt hàng phân phối của công ty ngày càng đa dạng về chủng loại, mẫu mã, là những mặt hàng chất lượng có uy tín trên thị trường. Cùng với sự gia tăng của chủng loại hàng hóa và sự mở rộng của thị trường thì doanh thu, cơ sở vật chất của công ty cũng ngày càng một tăng trưởng mạnh mẽ. Cho đến nay công ty đã tăng vốn điều lệ lên 34.700.000.000 VNĐ, mở rộng cơ sở vật chất, mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại, xây thêm kho bãi, phương tiện vận tải mới phục vụ cho kinh doanh nhằm giúp công ty phát triển mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh.

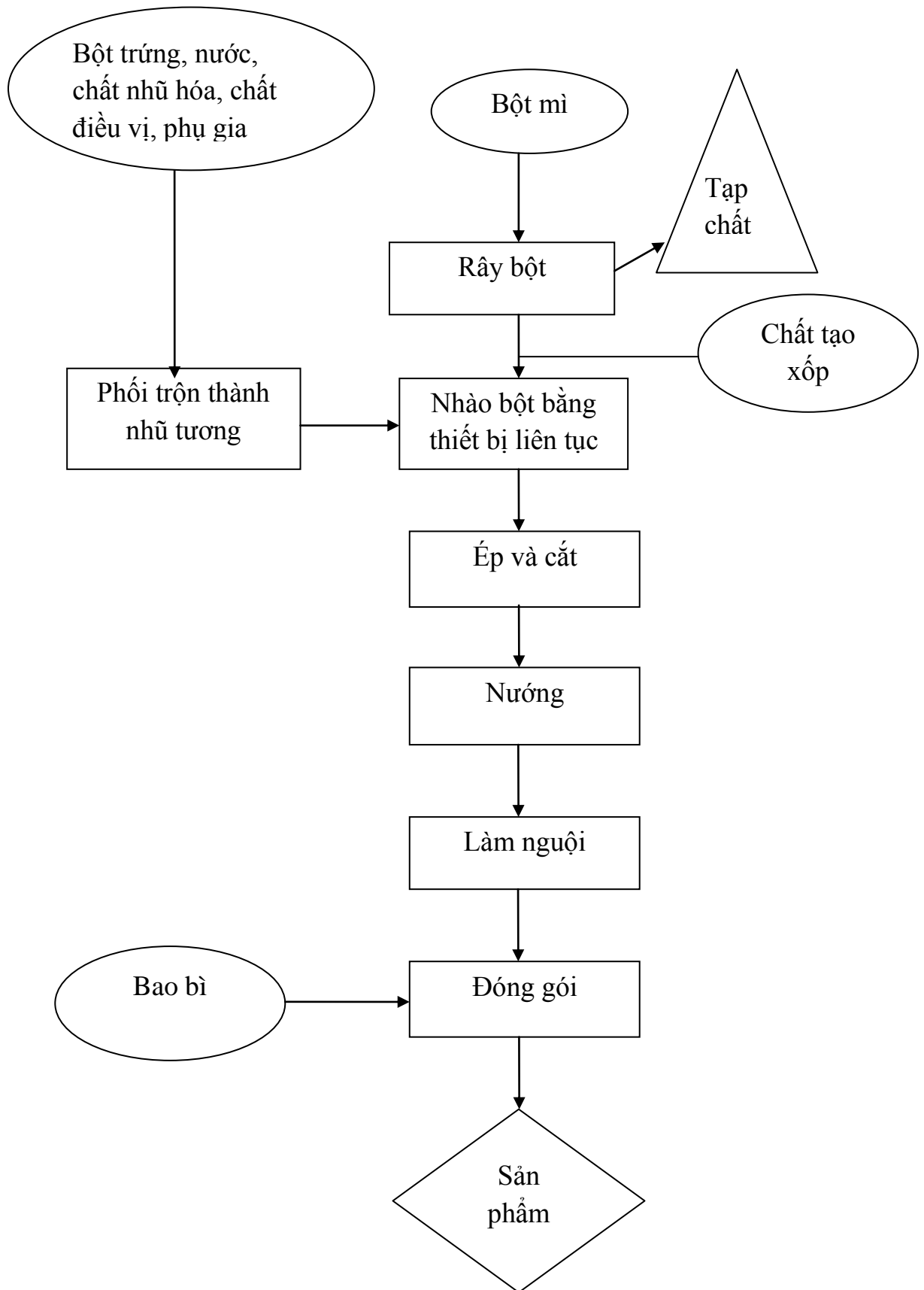
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty TNHH An Pha

*** Ngành nghề kinh doanh**

Sản phẩm chính của công ty TNHH An Pha là sản xuất bánh, với các loại bánh như: Bánh ASIMO, bánh trứng 10, bánh trứng 20....., ngoài ra công ty còn sản xuất, kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm Công nghiệp thực phẩm- vi sinh; Xuất nhập khẩu các loại: vật tư; nguyên liệu, hương liệu, phụ gia, thiết bị, phụ tùng có liên quan đến ngành công nghiệp thực phẩm - vi sinh.

* Quy trình công nghệ:



***Quá trình rây**

Mục đích: Chuẩn bị cho quá trình nhào bột

Các biến đổi: Giúp bột không còn tạp chất, mịn hơn.

***Quá trình phối trộn nguyên liệu phụ và phụ gia**

Mục đích: Chuẩn bị phối trộn các nguyên liệu phụ thành nhũ tương, chuẩn bị cho quá trình nhào trộn với bột.

Các biến đổi:

- + Biến đổi vật lý: Nhiệt độ tăng nhẹ
- + Biến đổi hóa lý: Tạo thành hệ nhũ tương đồng đều, hòa tan các chất khi: CO₂, O₂...
- + Thiết bị sử dụng: Máy phối trộn theo mẻ

***Quá trình nhào bột**

Mục đích: Chuẩn bị cho quá trình nhào trộn nhũ tương với bột mì tạo mạng gluten đồng nhất, thuận lợi cho quá trình đập hình.

Hoàn thiện: Các chỉ tiêu chất lượng cho sản phẩm có độ dai, độ giòn, độ xốp do mạng gluten tạo thành, khối bột nhào có độ dai và có khả năng giữ khí.

Các biến đổi:

- + Biến đổi vật lý: Nhiệt độ khối bột nhào tăng do ma sát, độ nhớt tăng
 - + Biến đổi hóa lý:
Khối bột chuyển sang dạng paste.
Protein hút nước, hạt tinh bột trương nở, tạo trạng thái dẻo.
 - + Biến đổi hóa học:
Sự biến tính của protein dưới tác dụng cơ học.
Gliadin, glutenin sẽ liên kết với nhau bằng liên kết hidro, cầu disulfur.
- Thiết bị sử dụng:* máy nhào trộn trực đứng .

***Quá trình tạo hình:**

Hoàn thiện: tạo hình dáng đẹp làm tăng giá trị hàng hóa sản phẩm.

Thiết bị sử dụng: Máy cán – đập hình.

***Quá trình nướng:**

Chế biến: nhiệt độ cao làm chín sản phẩm.

Bảo quản: nhiệt độ nướng cao (trên 200oC), tiêu diệt vi sinh vật

Các biến đổi:

+ **Biến đổi vật lý:**

Biến đổi về khối lượng: khối lượng giảm do mất nước.

Biến đổi về nhiệt độ: nhiệt độ tăng, nhiệt độ vỏ bánh cao hơn tâm bánh.

+ **Biến đổi hóa học**

Tinh bột hồ hóa một phần, vafbij thủy phân tạo dextrin, đường.

Xảy ra phản ứng Maillard trong giai đoạn đầu của nướng (nhiệt độ thấp)

Xảy ra phản ứng Caramel làm mất đường nhưng tạo màu nâu sản phẩm

+ **Biến đổi cảm quan:** hình thành hương vị, màu sắc đặc trưng cho sản phẩm.

Thiết bị sử dụng: Lò nướng đường hầm

***Quy trình làm nguội:**

Mục đích: Chuẩn bị cho quá trình bao gói.

Các biến đổi: Biến đổi vật lý: nhiệt độ bánh giảm

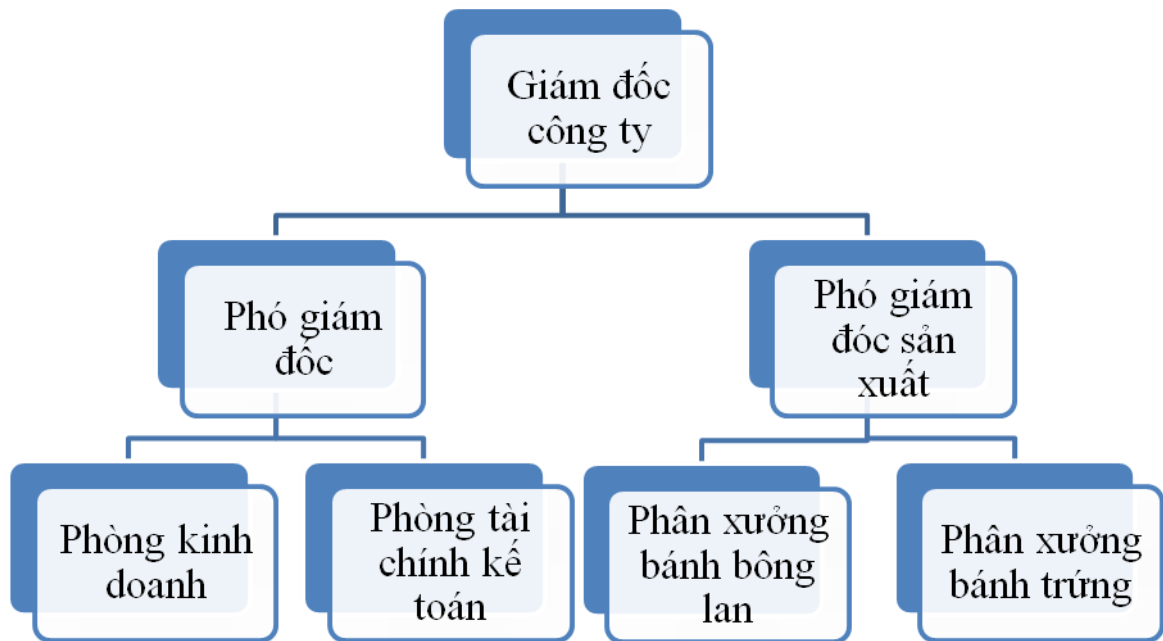
Thiết bị sử dụng: Băng tải làm nguội

***Quá trình bao gói**

Mục đích bảo quản: bánh dễ bị hút ẩm ở điều kiện môi trường nên phải bảo quản trong các bao bì chống thấm dầu nước.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH An Pha

Trong cơ chế thị trường hiện nay cũng như nhiều công ty khác, công ty TNHH An Pha được quyền chủ động quyết định bộ máy quản lý trong nội bộ để phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp để hoạt động có hiệu quả. Với bộ máy tổ chức kiểu trực tuyến chức năng, toàn bộ hoạt động của công ty đều chịu sự quản lý thống nhất của Giám đốc cùng với sự hỗ trợ của Phó giám đốc và các phòng ban trực thuộc quản lý. Điều đó được thể hiện qua sơ đồ sau:



Giám đốc:

Là người đứng đầu công ty phụ trách điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đó là việc tổ chức điều hành chung công việc của công ty, theo dõi tình hình hoạt động chung của công ty, nắm bắt thị trường để có định hướng lâu dài cho công ty. Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn thể lao động, về kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động của công ty.

Phó Giám Đốc

Do Giám đốc Công ty bổ nhiệm, có nhiệm vụ giúp đỡ giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực do Giám đốc phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được phân công hoặc được uỷ quyền.

Phó giám đốc sản xuất:

Là người chịu trách nhiệm trước giám đốc và công ty về tiến độ công việc, quản lý giờ giấc và sản phẩm công việc, chất lượng mẫu mã sản phẩm làm ra tại các phân xưởng trong công ty, là người thay mặt công nhân đưa ra các kiến nghị giải pháp lên giám đốc là người đòi mọi quyền lợi cho công nhân công ty, là người có thể đứng ra giải quyết mọi xung đột hay một số quyết định nào đó dưới phân xưởng khi giám đốc không ở đó.

Phòng kinh doanh

Tiếp cận thị trường, tìm hiểu thị trường giúp cho việc lập kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, ký hợp đồng với các khách hàng. Đồng thời phụ trách các vấn đề tiêu thụ sản phẩm.

Phòng tài chính kế toán

Điều hoà phân phối vốn, tổ chức sử dụng vốn là nguồn kinh tế kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. Phân phối thu nhập, tích lũy, tính toán và theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, phản ánh cụ thể các chi phí bỏ ra, tính toán kết quả lỗ lãi của đơn vị theo từng tháng, quý, năm.

Ngoài ra, phòng kế toán tài chính thống kê cũng phải thu thập, tổng hợp phân loại và xử lý thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh để cung cấp một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ phục vụ cho công tác quản lý của Công ty và từ đó giúp Giám đốc đưa ra các quyết định, mục tiêu, kế hoạch phát triển đúng đắn, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong công tác quản lý.

Các xưởng sản xuất

Có nhiệm vụ sản xuất sản phẩm: sản xuất các loại bánh. Thực hiện các công đoạn sản xuất theo đúng quy trình công nghệ từ khâu nguyên liệu để sản xuất, đóng gói sản phẩm. Thực hiện việc ghi chép, lưu trữ và báo cáo số liệu sản xuất hằng ngày, tuần, tháng cho các bộ phận quản lý của công ty theo quy định.

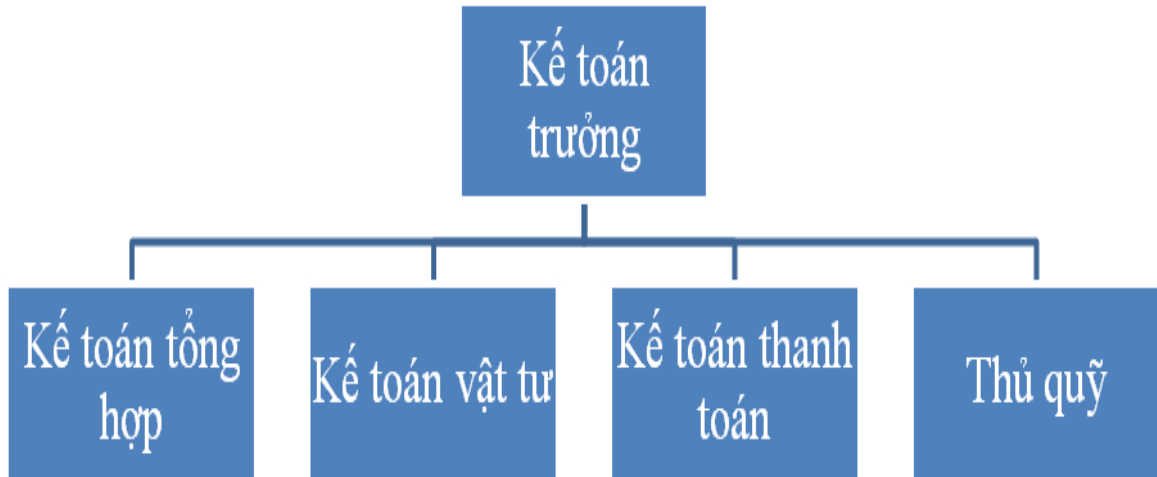
Phân xưởng bánh Bông lan.

Phân xưởng bánh trứng.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH An Pha

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH An Pha

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH An Pha



Nhiệm vụ từng bộ phận:

Các nhân viên kế toán trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ xuất phát từ sự phân công lao động phần hành trong bộ máy kế toán. Mỗi cán bộ nhân viên đều được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Guồng máy kế toán hoạt động hiệu quả là do sự phân công, tạo lập mối quan hệ giữa các kế toán theo tính chất khác nhau.

Kế toán trưởng: là người đứng đầu bộ máy kế toán của công ty. Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán, theo dõi quản lý và điều hành công tác kế toán theo đúng pháp lệnh kế toán của Nhà nước.

Kế toán tổng hợp: Tập hợp toàn bộ các chi phí chung của Công ty và các hoạt động dịch vụ khác của Công ty. Giữ Sổ Cái tổng hợp cho tất cả các phân hành và ghi sổ cái tổng hợp của Công ty. Kế toán thuế, kế toán Ngân hàng, quản lý các hoá đơn, lập các báo cáo tài chính và báo cáo kế toán.

Kế toán thanh toán: Ghi chép kịp thời các nghiệp vụ thanh toán với các nhà cung cấp, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt, tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương, tiến hành phân bổ các khoản chi phí lương, chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Kế toán vật tư: Cập nhật chi tiết lượng hàng hoá, TSCĐ, công cụ dụng cụ xuất ra cho các văn phòng và lượng hàng hoá mua vào của Công ty. Dựa vào các chứng từ xuất nhập vật tư cuối tháng tính ra số tiền phát sinh và lập báo cáo.

Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu, chi đối với các chứng từ thanh toán đã được cấp trên phê duyệt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số liệu trên sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo tồn quỹ thực tế tiền mặt cũng bằng số dư trên sổ sách..

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH An Pha

Chế độ kế toán áp dụng:

- Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.
- Công ty chọn niên độ kế toán trùng với năm dương lịch, tức là bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ được công ty sử dụng trong công tác hạch toán là Đồng Việt Nam.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Phương pháp tính thuế: Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao theo đường thẳng

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán tại công ty TNHH An Pha

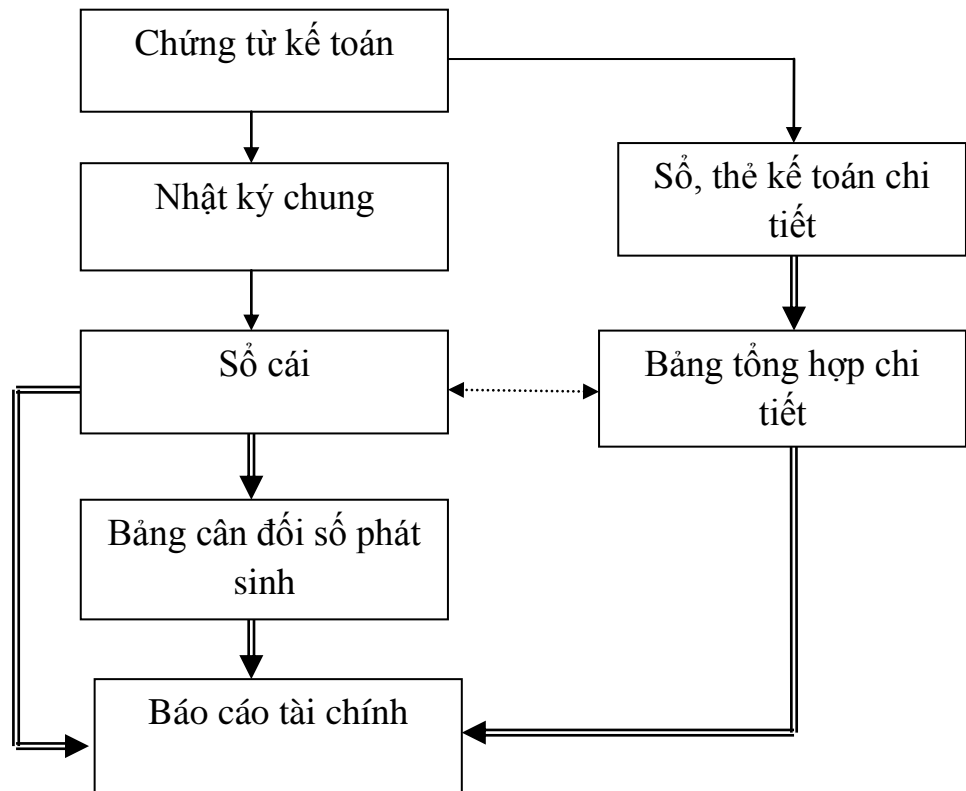
Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH An Pha

Theo chế độ kế toán áp dụng, hiện công ty sử dụng hệ thống sổ sách như sau:

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản
- + Sổ nhật ký chung: là loại sổ kế toán tổng hợp ghi theo các chứng từ phát sinh trong tháng, đảm bảo an toàn cho các chứng từ ghi sổ, có tác dụng đối chiếu với các số liệu ghi ở sổ cái.
- + Sổ cái các tài khoản: là sổ kế toán tổng hợp ghi theo các tài khoản kế toán.
- Sổ chi tiết: sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, sổ chi tiết chi phí sản xuất từng loại sản phẩm.
- Hình thức kế toán tại công ty: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ.

Sơ đồ 2.1: Trình tự ghi sổ kế toán của công ty TNHH An Pha



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \Longrightarrow

Kiểm tr, đối chiếu: \longleftrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đó vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

Báo cáo tài chính là những báo cáo tài chính tổng hợp, là sản phẩm của công tác kế toán trong cả một chu kỳ kinh doanh.

Báo cáo tài chính phản ánh kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp. Mục đích của báo cáo tài chính là cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hữu ích cho số đông những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.

Để đạt được mục đích này, báo cáo tài chính phải cung cấp thông tin của một doanh nghiệp về:

- + Tài sản:
- + Nợ phải trả, Vốn chủ sở hữu
- + Doanh thu, thu nhập khác, chi phí kinh doanh và chi phí khác
- + Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh
- + Thuế và các khoản phía nộp nhà nước
- + Các luồng tiền

Các thông tin này cùng với các thông tin trình bày trong bản thuyết minh báo cáo tài chính giúp người sử dụng dự đoán được các luồng tiền vào trong

tương lai và đặc biệt là thời điểm và mức độ chắc chắn của việc tạo ra các luồng tiền và các khoản tương đương tiền.

Việc lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi đã khóa sổ kế toán. Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán. Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của công ty ký, đóng dấu công ty.

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số 03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)
- Bảng cân đối tài khoản (mẫu số F01-DN)

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Pha**2.2.1. Kế toán chi phí sản xuất****2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất**

Trong quá trình kinh doanh, Công ty phải bỏ ra nhiều loại chi phí khác nhau như : chi phí nguyên vật liệu, tiền lương, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị... Tuy nhiên, căn cứ vào đặc điểm, công dụng của chi phí trong sản xuất sản phẩm của Công ty, căn cứ vào đặc điểm sản xuất sản phẩm và phương pháp tính giá thành, công ty thực hiện kế toán theo dõi chi phí sản xuất theo sản phẩm.

Công ty TNHH An Pha hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo từng khoản mục chi phí. Từ đó làm cơ sở so sánh kiểm tra việc thực hiện các khoản mục chi phí với từng khoản mục giá thành dự toán và giúp cho việc phân tích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kì.

Việc công ty hạch toán chi phí sản xuất theo từng khoản mục bao gồm ba khoản mục sau:

*** Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất của toàn doanh nghiệp. CPNVLT là những chi phí nguyên vật liệu có liên quan trực tiếp đến đối tượng chịu chi phí, nó tham gia cấu thành nên thực thể sản phẩm, tạo ra đặc trưng vật lý cho sản phẩm.

Tại Công ty TNHH An Pha nguyên vật liệu trực tiếp gồm : bột mì các loại, đường trắng, đường Gluco, trứng gà, bột nổi Man Ri,... sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

Nguyên liệu phụ bao gồm: phụ gia các loại, dầu cọ, dầu bơ.

*** Chi phí nhân công trực tiếp**

CPNCTT là số tiền phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm. Tại Công ty TNHH An Pha chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương.

*** Chi phí sản xuất chung**

CPSXC là tất cả các chi phí cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất nhưng chưa được xếp vào hai loại chi phí kể trên. Tại Công ty TNHH An Pha chi phí sản xuất chung bao gồm : chi phí nhân viên quản lý phân xưởng , chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Việc phân loại chi phí theo khoản mục của Công ty rất thuận lợi cho công tác tính giá thành theo khoản mục chi phí và việc quản lý chi phí. Nhà quản lý sẽ căn cứ vào từng khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ để xem tỷ trọng của từng khoản mục chi phí chiếm bao nhiêu % trong tổng chi phí và định mức tiêu hao của từng khoản mục chi phí trong mỗi loại sản phẩm là tăng hay giảm so với thực tế. Từ đó, xác định được phương hướng hợp lý và có các biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

2.2.1.2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty TNHH An Pha

*** Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất**

Cũng như hầu hết các công ty sản xuất khác trong ngành, công ty TNHH An Pha luôn coi trọng đúng mức việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Xuất phát từ đặc điểm sản xuất của công ty, từ đặc thù của sản phẩm sản xuất và để đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công tác quản lý, công tác kế toán... đối tượng tập hợp chi phí để tính giá thành cho quá trình sản xuất sản phẩm được sử dụng là kết hợp tập hợp chi phí sản xuất cho từng loại sản phẩm đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp, đối với chi phí sản xuất chung là cho toàn doanh nghiệp.

*** Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất**

Tại công ty TNHH An Pha, chi phí sản xuất được tập hợp theo phương pháp:

Phương pháp tập hợp trực tiếp: phương pháp này được dùng để tập hợp trực tiếp các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến sản phẩm. Chi phí được tập hợp trực tiếp ở công ty là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp.

Phương pháp tập hợp phân bổ gián tiếp: đối với chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất vì vậy được tập hợp chung sau đó phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu thức hợp lý. Công ty TNHH An Pha phân bổ chi phí sản xuất chung theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

2.2.1.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được phản ánh khi xuất kho vật liệu để phục vụ cho sản xuất, chế tạo sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu chính của công ty dùng vào sản xuất sản phẩm: Bột mì các loại, trứng gà, đường trắng, đường Gluco, bột nổi Man ri.....

Nguyên liệu phụ sản xuất bánh: phụ gia các loại, tinh bột biến tính, dầu cọ tinh luyện,...

Sản phẩm của công ty là các loại bánh mềm vì vậy công ty luôn chú trọng đến việc hạch toán, quản lý NVL từ khâu thu mua, vận chuyển, bảo quản cho tới khi xuất dùng và trong cả quá trình sản xuất. Đa phần các nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất được công ty mua ở ngoài theo giá thị trường.

*** Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

➤ Tài khoản sử dụng:

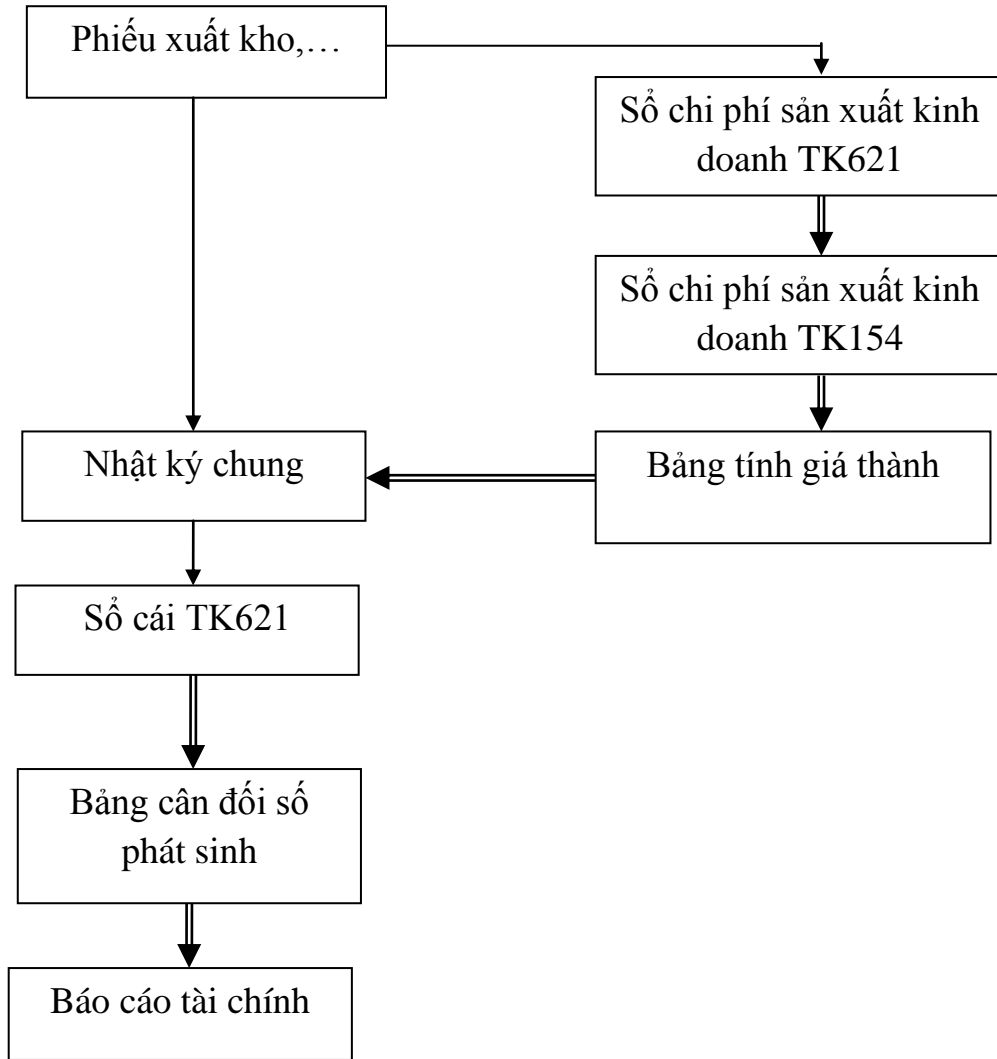
Công ty sử dụng TK621-chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. TK621 được mở chi tiết cho từng sản phẩm bánh.

- + TK6211: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tập hợp cho bánh ASIMO
- + TK6212: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tập hợp cho bánh Trứng 10
- + TK6213: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tập hợp cho bánh Trứng 20

➤ **Hệ thống chứng từ, sổ sách sử dụng**

Để hạch toán chi phí NVL trực tiếp, kế toán sử dụng các chứng từ sau: Phiếu xuất kho, thẻ kho, hóa đơn GTGT, hóa đơn mua hàng, phiếu thu, phiếu chi, sổ chi phí sản xuất kinh doanh, Nhật ký chung, Sổ Cái TK 621, 154.

Sơ đồ 2.2: sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: = = = = =>

Đối chiếu: <----->

*** Quy trình luân chuyển chứng từ**

Căn cứ vào lệnh xuất kho, kế toán sẽ lập phiếu xuất kho. Trong phiếu xuất kho, kế toán chỉ phản số lượng NVL và đơn giá xuất kho chứ không được phản ánh giá trị xuất kho.

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK có liên quan như TK621...

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621 lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm sản xuất ra trong tháng. Căn cứ vào số liệu từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung hạch toán bút toán liên quan đến giá thành sản phẩm.

Đồng thời căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 621 và các sổ cái các TK có liên quan kế toán tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo tài chính.

* Công ty TNHH An Pha thực hiện hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá nguyên vật liệu xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

$$\begin{matrix} \text{Trị giá nguyên vật} & & \text{Số lượng nguyên vật} & & \text{Đơn giá} \\ \text{liệu xuất kho} & = & \text{liệu xuất kho} & * & \text{bình quân} \end{matrix}$$

$$\begin{matrix} \text{Đơn giá} & & \text{Trị giá NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ} \\ \text{bình quân} & = & \text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ} \end{matrix}$$

Ví dụ 1:

Ngày 05/12/2012 công ty xuất kho nguyên liệu để sản xuất 50 thùng bánh ASIMO

(Bột mì: 120 kg, Bột ngô: 5kg, Trứng gà: 850 quả, Đường gluco: 35kg)

Đến cuối tháng kế toán tiến hành tính giá xuất kho cho nguyên vật liệu được xuất trong kỳ. **Tổng trị giá xuất kho ngày 05/12/2012 là: 3.731.625đ**

Minh họa tính giá xuất kho cho nguyên liệu: Bột mì

Đến cuối tháng kế toán tiến hành tính giá xuất kho cho nguyên liệu Bột mì
Số lượng tồn kho đầu kỳ: 915 kg, trị giá: 10.460.644đ

Số lượng nhập trong kỳ: 37.000 kg, trị giá: 431.100.000đ

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{10.460.644 + 431.100.000}{915 + 37.000} = 11.646 \text{ đ/kg}$$

=> Trị giá bột mì xuất dùng ngày 05/12/2012 = 120 * 11.646 = 1.397.520đ

Ngày 05/12 căn cứ vào giấy đề nghị của bộ phận sản xuất, kế toán viết phiếu xuất kho:

Biểu số 1: Phiếu xuất kho

Công ty TNHH An Pha

Mẫu số: 02-VT

Đc: Cụm công nghiệp Quán Trữ, (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Q.Kiến An, TP Hải Phòng Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Nợ : 621

Số: PX03/12

Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Nam

Địa chỉ(bộ phận): Phân xưởng 01

Lý do xuất kho: Phân xưởng đề nghị xuất thêm nguyên liệu phục vụ sản xuất

Xuất tại kho: X01

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách sản phẩm, hàng hóa	Mã hàng	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bột mì	Bot mi	Kg	120	120		
2	Bột ngô	Tinh bot	Kg	5	5		
3	Trứng gà	Trung ga	Quả	850	850		
4	Dường gluco	Dex	Kg	35	35		

Xuất, ngày 05 tháng 12 năm 2012

Phụ trách bộ phận sử dụng

Phụ trách cung

Người nhận

Thủ kho

(ký, họ tên)

(ký, phụ trách)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 2: Bảng kê vật liệu xuất kho

BẢNG KÊ VẬT LIỆU

Số 21

Tháng 12 năm 2012

Ngày	NVL	TK6211-Bánh ASIMO			TK6212-Bánh Trứng 10			TK6213-Bánh Trứng 20		
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
05/12	Bột mì	120	11.646	1.397.520						
	Bột ngô	5	22.465	112.325						
	Trứng gà	850	2.000	1.700.000						
	Đường	35	14.908	521.780						
	Cộng			3.731.625						
07/12	Bột mì				240	11.646	2.795.040			
	Bột ngô				10	22.646	224.640			
	Gia vị				30	28.137	844.110			
			
	Cộng						21.610.471			
08/12	Bột mì							300	11.646	3.493.800
	Bột ngô							12.5	22.646	283.075

	Cộng									17.021.958

Cộng			848.128.790			392.184.237			1.517.622.451	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập bảng
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 3: Trích sổ Nhật kí chung tháng 12/2012

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha

Mẫu số: S03a – DN

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kiến An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2012

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
03/12	GBN 4/12	03/12	Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt	111	50.000.000	
				112		50.000.000
					
06/12	PN 02/12	06/12	Mua NVL của công ty Hoàng phát. Thanh toán bằng tiền mặt	152	19.341.650	
				133	1.934.165	
				111		21.275.815
		
22/12	PC 18/12	22/12	Thanh toán tiền mua hàng	331	19.850.000	
				111		19.850.000
22/12	GBC 74/12	22/12	Khách hàng trả tiền	112	35.940.520	
				131		35.940.520
23/12	PC 19/12	23/12	Tạm ứng cho nhân viên	141	5.420.000	
				111		5.420.000
		
31/12	BK21	31/12	Xuất kho vật liệu sản xuất bánh ASIMO	621	848.128.790	
				152		848.128.790
			Xuất kho vật liệu sản xuất bánh Trứng 10	621	392.184.237	
				152		392.184.237
			Xuất kho vật liệu sản xuất bánh Trứng 20	621	1.517.622.451	
				152		1.517.622.451
		
			Cộng PS		31.085.120.448	31.085.120.448

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 4: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK6211

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha
 Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ,
 Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: S36 – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6211

Sản phẩm, dịch vụ: Bánh ASIMO

Tháng 12

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng tiền		Chia ra				
	SH	NT			Nợ	Có	Bột mì	Đường	Trứng gà	Phụ gia	VL khác
31/12	03/12	05/12	Xuất kho cho sản xuất	152	4.474.246		1.397.520	521.780	1.700.000	112.325	
31/12	PX 04/12	05/12	Xuất kho cho SX	152	854.946					395.746	459.200
						
31/12	PX 09/12	08/12	Xuất kho SX	152	24.248.130		8.385.120	3.130.680	10.200.000	2.532.330	
						
31/12	K/C	1/12	K/c 621 sang 154	154		848.128.790					
			Cộng PS		848.128.790	848.128.790	301.571.050	78.554.030	324.317.500	91.050.124	52.635.375

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 5: Trích Sổ Cái tài khoản 621

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha

Mẫu số: S03b – DN

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ,

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kiến An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Tháng 12

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
31/12	BK21	31/12	Xuất kho vật liệu sản xuất bánh ASIMO	152	848.128.790	
			Xuất kho vật liệu sản xuất bánh Trứng 10	152	392.184.237	
			Xuất kho vật liệu sản xuất bánh Trứng 20	152	1.517.622.451	
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển chi phí NVLTT tháng 12	154		2.757.935.478
			Cộng phát sinh T12		2.757.935.478	2.757.935.478

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

2.2.1.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

*** Nội dung hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.**

Chi phí nhân công trực tiếp là một bộ phận quan trọng cấu thành nên giá thành sản phẩm. Do đó việc tính toán và hạch toán đầy đủ chi phí nhân công trực tiếp cũng như việc trả lương chính xác, kịp thời có ý nghĩa rất quan trọng trong việc quản lý thời gian lao động, quản lý quỹ lương của công ty, tiến tới quản lý tốt chi phí và giá thành.

Công ty TNHH An Pha tiến hành chấm công trả lương cho công nhân sản xuất theo sản phẩm. Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm đối với nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm, là hình thức trả lương theo sản phẩm tập thể tùy thuộc kết quả lao động của cả phân xưởng.

Công ty có khoản phụ cấp ăn trưa cho mỗi công nhân là 15.000đ/ngày.

Dựa vào khối lượng được giao, quản đốc đôn đốc công nhân trong tổ thực hiện sản xuất đảm bảo đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật, đồng thời theo dõi tình hình lao động của tổ sản xuất để lập báo cáo làm căn cứ cho nhân viên thống kê phân xưởng lập Bảng chấm công của từng tổ gửi lên phòng kế toán tổng hợp. Hình thức trả lương này nâng cao tinh thần tự giác, tự chủ của người lao động.

Lương sản phẩm 1 tháng của 1 công nhân sản xuất được tính như sau:

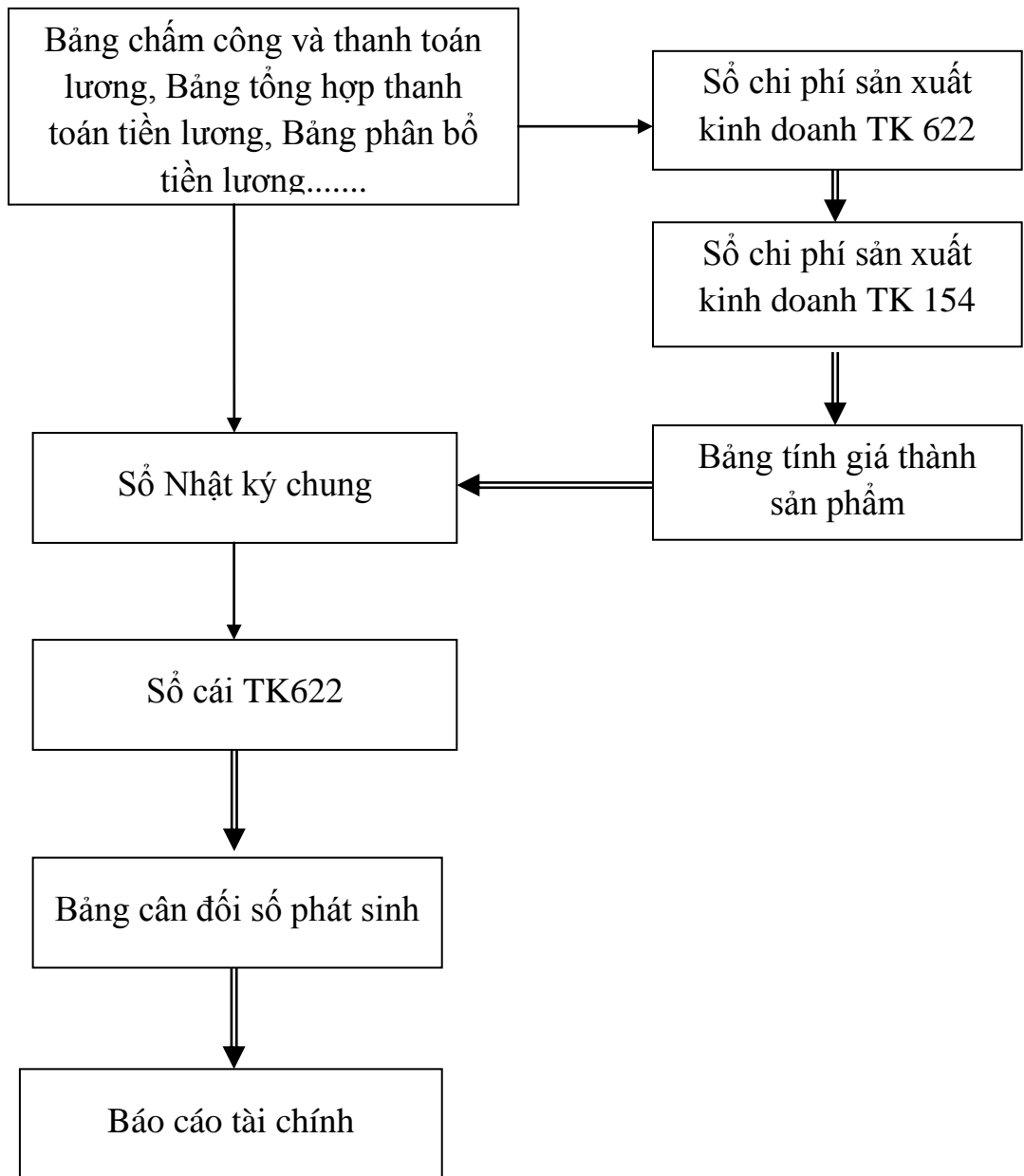
$$\text{Lương sản phẩm của 1 CNSX} = \frac{\text{Số SP hoàn thành} * \text{đơn giá từng sản phẩm}}{\text{Tổng ngày công từng phân xưởng}} * \frac{\text{Số ngày công của 1 CNSX}}{\text{CNSX}}$$

Lương phải trả cho 1 công nhân = Lương sản phẩm của 1 CNSX + Phụ cấp

Kế toán tiến hành trích các khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định hiện hành, trong đó BHXH, BHYT, BHTN trích trên tổng lương cơ bản, KPCĐ trích trên lương thực tế.

Nội dung	Doanh nghiệp	Người lao động	Tổng
BHXH	17%	7%	24%
BHYT	3%	1,5%	4,5%
KPCĐ	2%	0%	2%
BHTN	1%	1%	2%
Cộng	23%	9,5%	32,5%

Quy trình hạch toán:



Ghi chú

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \Longrightarrow

Đối chiếu: $\langle \text{-----} \rangle$

Hàng ngày, căn cứ vào Bảng chấm công và các chứng từ liên quan kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK có liên quan như TK 622...

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi chi phí nhân công trực tiếp lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154 kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm sản xuất ra trong kỳ. Từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung hạch toán bút toán liên quan tới giá thành sản phẩm.

*** Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.**

- Công ty sử dụng tài khoản 622: chi phí nhân công trực tiếp để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.

Hiện nay, công ty mở tài khoản cấp 2 của TK 622 để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp cho từng phân xưởng sản xuất bánh.

- + TK 6221: Chi phí NC TT cho bánh ASIMO
- + TK 6222: Chi phí NC TT cho bánh Trứng 10
- + TK 6223: Chi phí NC TT cho bánh Trứng 20

Kết cấu của tài khoản 622

Bên nợ: Chi phí nhân công trực tiếp tham gia quá trình sản xuất sản phẩm bao gồm tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương.

Bên có: Kết chuyển CPNCTT để tính giá thành sản phẩm nhập kho.

- Hệ thống chứng từ, sổ sách sử dụng : Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, Sổ cái TK 622, TK 334, TK 338.

Ví dụ:

Đơn giá tính cho từng thùng sản phẩm được công ty quy định như sau:

Sản phẩm	Đơn giá (đ/thùng)
Bánh ASIMO	5.500
Bánh trứng 10	5.000
Bánh trứng 20	8000

Ngày 31 tháng 12 năm 2012, tính lương cho công nhân Nguyễn Thị Hồng sản xuất bánh ASIMO tại phân xưởng :

Tổng số công nhân SX tại phân xưởng SX bánh ASIMO tháng 12: 11 người

Tổng số ngày công theo quy định là: 26 công

Ngày công trong tháng của Nguyễn Thị Hồng: 26 công

$$\begin{aligned} \text{Tiền lương của Nguyễn Thị Hồng} &= \frac{\text{Số SP hoàn thành} * \text{đơn giá từng sản phẩm}}{\text{Ngày công toàn phân xưởng}} * \text{Số ngày công trong tháng Hồng làm việc} \\ &= \frac{5.000 * 5.500}{11 * 26} * 26 \\ &= 2.500.000 \text{ đ} \end{aligned}$$

Lương phải trả cho Nguyễn Thị Hồng tháng 12 là:

$$2.500.000 + 390.000 = 2.890.000 \text{ đ}$$

Công ty quy định mức trích các khoản trích theo lương của bộ phận sản xuất là 1.100.000đ (Tại công ty cứ ba năm công tác thì được cộng thêm 300.000đ để tính mức trích các khoản trích theo lương). Chị Nguyễn Thị Hồng đã làm cho công ty đến nay được 7 năm vì vậy mức tính để trích các khoản trích theo lương của chị là 2.100.000đ.

Các khoản trích theo lương tính vào chi phí của công nhân Nguyễn Thị Hồng bao gồm:

- BHXH được tính theo 17% lương tức là: $2.100.000 * 17\% = 357.000$
- BHYT được tính theo 3% lương tức là: $2.100.000 * 3\% = 63.000$
- BHTN được tính theo 1% lương tức là: $2.100.000 * 1\% = 21.000$
- KPCĐ được tính theo 2% lương tức là: $2.100.000 * 2\% = 42.000$

Biểu số 6: Trích bảng chấm công tại công ty TNHH An Pha

Công ty TNHH An Pha

Cụm công nghiệp Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

BẢNG CHẤM CÔNG

Bộ phận: phân xưởng bánh ASIMO

Tháng 12 năm 2012

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày trong tháng														Tổng số công
			1	2	3	4	5	...	24	25	26	27	28	29	30	31	
1	Phạm Văn Nam	CN	x	x	x	CN	x	x	x	x	CN	x	x	x	x	x	26
2	Nguyễn Thị Hồng	CN	x	x	x	CN	x	x	x	x	CN		x	x	x	x	26
3	Vũ Xuân Thủy	CN	x	x	x	CN	x	x	x	x	CN	x	x	x	x	x	26
4	Hoàng Hà Minh	CN	x	x	x	CN	x	x	x	x	CN	x	x	x	x	x	26
5	Trần Minh Nguyệt	CN	x	x	x	CN		x	x	x	CN	x	x	x	x	x	26
6	Vũ Xuân Trường	CN	x	x	x	CN	x	x		x	CN		x	x	x	x	26
																

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người chấm công

(đã ký)

Phụ trách bộ phận

(đã ký)

Người duyệt

(đã ký)

Biểu số 7: Trích bảng thanh toán lương tháng 12/2012

Công ty TNHH An Pha

Cụm công nghiệp Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Bộ phận: Phân xưởng bánh ASIMO

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 12/2012

Số lượng sản phẩm: 5.000 SP

STT	Họ và tên	Lương nhân viên			Các khoản trích trừ vào lương(9,5%)				Thực lĩnh	Ký nhận
		Đơn giá	Phụ cấp	Lương	BHXH(7%)	BHYT(1,5%)	BHTN(1%)	Cộng		
1	Phạm Văn Nam	5.500	390.000	2.890.000	147.000	31.500	21.000	199.500	2.690.500	
2	Nguyễn Thị Hồng	5.500	390.000	2.890.000	147.000	31.500	21.000	199.500	2.690.500	
3	Vũ Xuân Thủy	5.500	390.000	2.890.000	157.500	33.750	22.500	213.750	2.676.250	
4	Hoàng Hà Minh	5.500	390.000	2.890.000	147.000	31.500	21.000	199.500	2.690.500	
5	Trần Minh Nguyệt	5.500	390.000	2.890.000	157.500	33.750	22.500	213.750	2.676.250	
6	Vũ Xuân Trường	5.500	390.000	2.890.000	147.000	31.500	21.000	199.500	2.690.500	
	
	Cộng		6.630.000	34.921.508	2.342.228	501.906	334.604	3.178.738	31.742.770	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

(ký tên)

Kế toán trưởng

(ký tên)

Giám đốc

(ký tên)

Biểu số 8: Trích bảng thanh toán tiền lương tại công ty TNHH An Pha

Công ty TNHH An Pha
 Cụm công nghiệp Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2012

STT	Nợ Có	TK334	TK338-phải trả phải nộp khác				Cộng có TK338	Tổng cộng
			BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ		
1	622-CP NCTT	116.579.060	18.832.260	3.323.340	3.323.340	2.215.560	25.478.940	142.058.000
	6221-Bánh ASIMO	34.921.508	5.688.268	1.003.812	334.604	669.208	7.695.892	42.617.400
	6222-Bánh Trứng 10	16.214.790	2.715.070	479.130	159.710	319.420	3.673.330	19.888.120
	6223- Bánh Trứng 20	65.442.762	10.428.922	1.840.398	613.466	1.226.932	14.109.718	79.552.480
2	627-CP SXC	11.848.500	1.742.500	307.500	102.500	205.000	2.357.500	14.206.000
3	642-CP QLDN	58.982.600	9.246.300	1.631.700	543.900	1.087.800	12.509.700	71.099.000
4	334-Thu nhập lao động	-	12.159.560	2.605.620	1.737.080	-	16.502.260	16.502.260
	Cộng PS	187.410.160	41.689.920	7.816.860	3.474.160	3.474.160	56.455.100	243.865.260

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(ký tên)

Kế toán trưởng
(ký tên)

Giám đốc
(ký tên)

Biểu số 9: Trích sổ Nhật kí chung tháng 12/2012

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha

Mẫu số: S03a – DN

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ,

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kiến An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2012

Đvt: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 12			
					
05/12	PT 03/12	05/12	Thu nợ tiền bán hàng tháng 11	131 111	12.420.351	12.420.351
06/12	PN 02/12	06/12	Mua NVL của công ty Hoàng phát	152 133 111	19.341.650 1.934.165	21.275.815
					
31/12	BL12	31/12	Tính lương phải trả cho toàn công ty	622 627 642 334	116.579.060 11.848.500 58.982.600	187.410.160
31/12	BL12	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí	622 627 642 334 338	25.478.940 2.357.500 12.509.700 16.502.260	56.455.100
					
			Cộng PS tháng 12		31.085.120.448	31.085.120.448

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 10: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh tháng 12/2012

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha

Mẫu số: S36 – DN

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ,

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kiến An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 6221

Tên sản phẩm, dịch vụ: Bánh ASIMO

Tháng 12

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng tiền		Chia ra	
SH	NT			Nợ	Có	Lương	Các khoản trích theo lương
BL12	31/12	Lương phải trả cho CN SX	334	34.921.508		34.921.508	
BL12	31/12	Trích BHXH tính vào chi phí	3383	5.688.268			5.688.268
BL12	31/12	Trích BHYT tính vào chi phí	3384	1.003.812			1.003.812
BL12	31/12	Trích KPCĐ tính vào chi phí	3382	669.208			669.208
BL12	31/12	Trích BHTN tính vào chi phí	3385	334.604			334.604
PKT01/12	31/12	Ghi có TK622	154		42.617.400		
		Cộng phát sinh		42.617.400	42.617.400	34.921.508	7.695.892

Biểu số 11: Trích sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha

Mẫu số: S02c1 – DN

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ, (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kiến An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 622

Tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền	
SH	NT		ĐƯ	Nợ	Có
BL12	31/12	Tính lương phải trả công nhân sản xuất	334	116.579.060	
BL12	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí	338	25.478.940	
PKT 01/12	31/12	Kết chuyển CPSXKD T12	154		142.058.000
		Cộng phát sinh tháng 12		142.058.000	142.058.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

2.2.1.5. Kế toán chi phí sản xuất chung

*** Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung là những chi phí còn lại cần để sản xuất sản phẩm sau chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp. Đây là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất của công ty.

Chi phí sản xuất chung của Công ty TNHH An Pha bao gồm các khoản sau: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí dụng cụ sản xuất; chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

*** Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí sản xuất chung**

+ TK sử dụng: Công ty sử dụng TK 627 – CPSXC để hạch toán chi phí sản xuất chung.

Kết cấu TK 627:

Bên nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

Bên có: Kết chuyển chi phí sản xuất chung để tính giá thành sản phẩm

Tại công ty TNHH An Pha TK627 được mở chi tiết cho các tiểu khoản:

6271: Chi phí nhân viên phân xưởng

6273: Chi phí công cụ dụng cụ

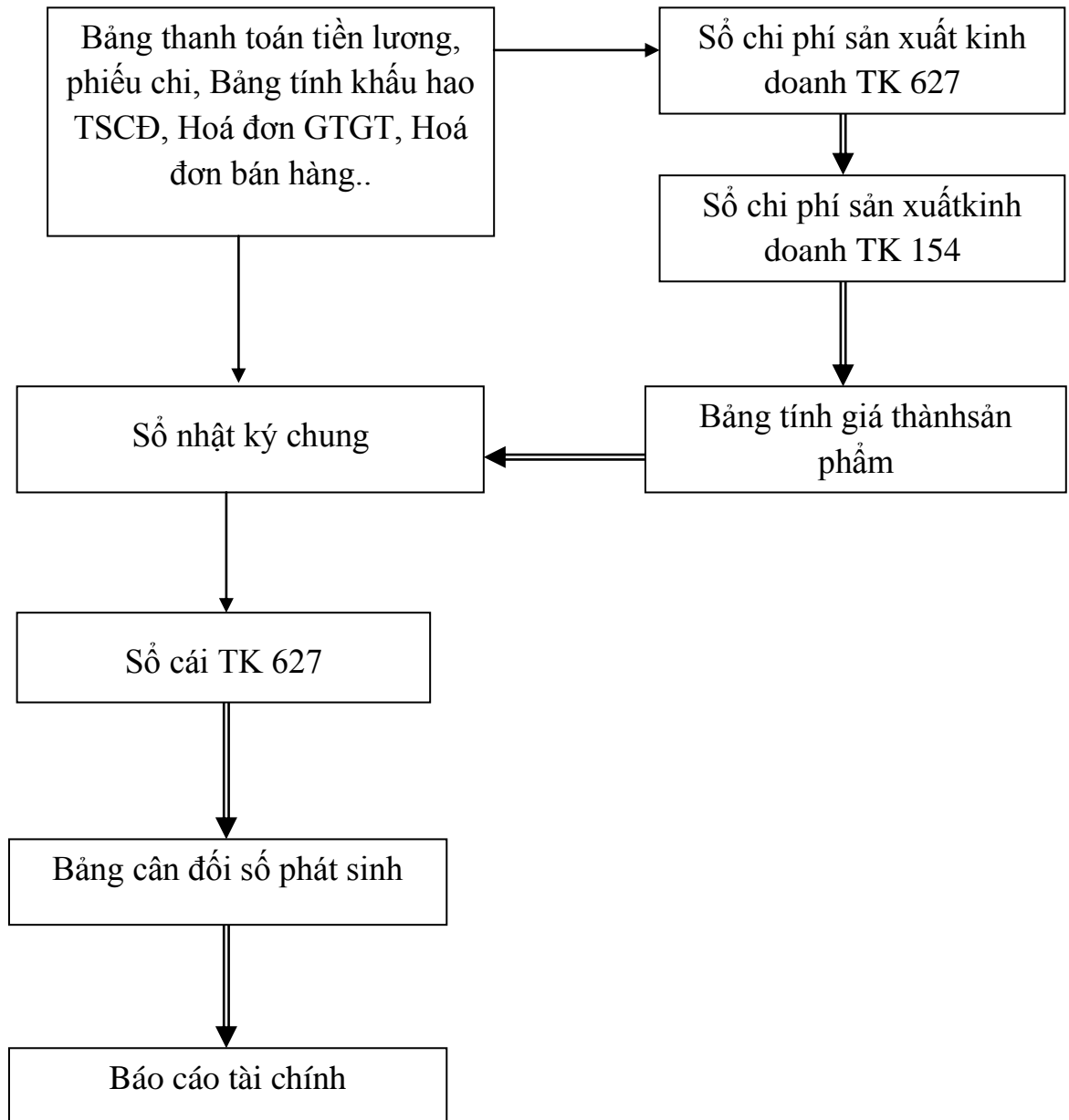
6274: Chi phí khấu hao TSCĐ

6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

6278: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí sản xuất chung sau khi tập hợp vào TK627 sẽ được phân bổ cho từng loại sản phẩm. Từ đó kết chuyển vào TK154 để tính giá thành sản phẩm.

*** Trình tự hạch toán:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \Longrightarrow

Đối chiếu: $\langle \text{-----} \rangle$

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 627 và sổ cái các tài khoản liên quan.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 để lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154 kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm sản xuất ra trong

kỳ. Từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ Nhật ký chung hạch toán bút toán liên quan đến giá thành sản phẩm.

***Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng**

Công ty TNHH An Pha tính lương cho nhân viên quản lý phân xưởng theo lương thời gian dựa trên lương hợp đồng.

Có nghĩa là:

$$\text{Lương thỏa thuận của 1 NV PX} = \frac{\text{Lương theo thỏa thuận}}{\text{Số ngày công trong tháng của công ty}} * \text{Số ngày công của 1NV PX}$$

Lương phải trả cho NVPX = Lương thỏa thuận của 1 NV PX + phụ cấp

Lương thỏa thuận của mỗi nhân viên quản lý là khác nhau, ví dụ lương thỏa thuận của quản đốc được quy định là 4.000.000đ

$$\text{Lương của quản đốc} = \frac{4.000.000}{26} * 26 = 4.000.000đ$$

Lương phải trả cho quản đốc = 4.000.000 + 390.000 = 4.390.000đ

Theo bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Biểu số 10) ta thấy lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng trong tháng 12 là **14.206.000** đồng.

***Chi phí công cụ dụng cụ**

Đó là những dụng cụ sản xuất sử dụng chung cho hoạt động sản xuất của Công ty. Do hầu hết các công cụ dụng cụ sử dụng tại Công ty là công cụ lao động nhỏ, có giá trị và giá trị sử dụng nhỏ, một số phát sinh thường xuyên ở các tháng nên hạch toán công cụ dụng cụ cũng được hạch toán giống như nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán thực hiện phân bổ một lần. Toàn bộ công cụ dụng cụ xuất dùng tháng nào thì tính vào tháng đó và được hạch toán chung trên TK 153. Kế toán dựa vào Phiếu xuất kho để tập hợp chi phí sản xuất cho toàn doanh nghiệp.

Tương tự như với nguyên vật liệu, khi xuất công cụ, dụng cụ cho sản xuất kế toán sẽ lập phiếu xuất kho. Cuối tháng, kế toán sẽ tính đơn giá cho từng loại dụng cụ và tính ra trị giá xuất kho.

Ví dụ 4:

Ví dụ: Ngày 10/12/2012 xuất tiền mặt mua thêm quần áo BHLĐ phục vụ bộ phận sản xuất

Căn cứ vào HĐGTGT số 0000254 và các chứng từ có liên quan, kế toán định khoản:

Nợ TK 627(3): 2.530.000

Nợ TK133: 253.000

Có TK111: 2.783.000

Từ bút toán trên kế toán vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 23**), từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 627 (**Biểu số 24**), TK133, TK 111. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi để vào sổ quỹ tiền mặt. Kế toán giá thành căn cứ vào chứng từ trên vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi cho TK 627. Cuối kỳ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất chung của toàn công ty phân bổ cho từng sản phẩm.

Đến ngày 31 tháng 12 kế toán tập hợp chi phí công cụ dụng cụ trong tháng 12 là: 23.037.500 đồng.

***Chi phí khấu hao tài sản cố định**

TSCĐ của Công ty là những tư liệu lao động có giá trị trên 10 triệu đồng (cho đến ngày 09/06/2013), thời gian sử dụng trên 1 năm. (Theo quy định mới từ ngày 10/06/2013 tài sản cố định là những tài sản có giá trị trên 30.000.000đ). Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, TSCĐ bị hao mòn dần và giá trị của nó được chuyển dịch từng phần vào chi phí dưới hình thức khấu hao.

TSCĐ của Công ty TNHH An Pha chủ yếu là TSCĐ hữu hình, bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: Nhà hành chính, nhà ăn, nhà bảo vệ, nhà để xe, đường giao thông nội bộ, sân bãi,

- Phương tiện vận tải: xe chở hàng,.....

- Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý: Máy in màu, máy vi tính, máy photocopy, máy fax...

Tài sản cố định được tính theo lượng giá trị của TSCĐ ở thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng. Giá này gọi là nguyên giá. Khi theo dõi tài sản cố định

người ta còn theo dõi giá trị còn lại. Giá trị còn lại của tài sản cố định là nguyên giá sau khi trừ đi số khấu hao lũy kế của tài sản đó. Nghĩa là:

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá} - \text{Giá trị hao mòn}$$

Hiện nay công ty áp dụng phương pháp khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

$$\text{Mức khấu hao trung bình năm} = \frac{\text{Nguyên giá tài sản cố định}}{\text{Số năm sử dụng}}$$

$$\text{Mức khấu hao bình quân tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao trung bình năm}}{12}$$

Ví dụ 5:

Ngày 31 tháng 12 năm 2012 công ty tiến hành trích khấu hao của máy móc thiết bị, nhà xưởng. Giá trị khấu hao tại phân xưởng tháng 12/2012 là **71.260.744đ**

Minh họa: kế toán tiến hành tính khấu hao cho máy trộn bột mì

Máy trộn bột mì được mua từ ngày 15/10/2011 thời gian sử dụng 5 năm, nguyên giá 96.000.000 đồng sử dụng ở bộ phận sản xuất.

$$\text{Mức KH năm} = \frac{96.000.000}{5} = 19.200.000$$

$$\text{Số tiền khấu hao tháng 12} = \frac{19.200.000}{12} = 1.600.000$$

Biểu số 12: Bảng tính và phân bổ khấu hao

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO

Tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Kì KH (tháng)	Phân bổ cho từng bộ phận			Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
				627	642	Cộng		
1	Máy trộn bột mì	96.000.000	60	1.600.000		1.600.000	23.200.000	72.800.000
2	Máy đóng gói	130.000.000	60	2.166.667		2.166.667	83.055.556	46.944.444
3	Máy photocopy	35.500.000	48		364.750	364.750	13.435.764	22.064.36
4	Xe chở hàng	437.000.000	120		3.641.667	3.641.667	88.269.500	349.430.500
5
	Cộng	10.228.615.930		78.911.544	28.245.232	107.156.776	3.031.788.391	7.916.827.539

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi số
(ký, họ tên)

kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

***Chi phí dịch vụ mua ngoài**

Chi phí dịch vụ mua ngoài của nhà máy thường là chi phí tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, tiền sửa chữa TSCĐ thường xuyên, tiền vận chuyển, bốc xếp...

Ví dụ 6:

Ngày 10/12/2012 chi tiền mặt thanh toán tiền nước số tiền 3.312.000 đồng. Căn cứ vào hoá đơn thanh toán tiền nước và các chứng từ có liên quan kế toán hạch toán:

Nợ TK 627(7): 3.174.000

Nợ TK133: 138.000

Có TK111: 3.312.000

Từ bút toán trên kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 22), từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 627 (Biểu số 23), TK133, TK 111. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi để vào sổ quỹ tiền mặt. Kế toán giá thành căn cứ vào chứng từ trên vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi cho TK 627. Cuối kỳ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất chung của toàn công ty phân bổ cho từng sản phẩm.

***Chi phí bằng tiền khác**

Chi phí bằng tiền là các khoản chi phí ngoài các khoản đã nêu trên phát sinh trực tiếp ở phân xưởng sản xuất như: tiền mua khẩu trang, gang tay lao động.....Kế toán căn cứ vào HĐGTGT và các chứng từ có liên quan để tập hợp chi phí.

Ví dụ 7: Ngày 07/12/2012, công ty chi tiền mặt thanh toán tiền mua khẩu trang cho công nhân, tổng số tiền thanh toán là 2.755.000đ (vat 10%)

Nợ TK627(8): 2.504.545

Nợ TK133: 250.455

Có TK 111: 2.755.000

Biểu số 14: Phiếu chi

Công ty TNHH An Pha

Mẫu số 02-TT

Cụm công nghiệp Quán Trữ, (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Kiến An, Hải Phòng Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số 05/12

Ngày 07 tháng 12 năm 2012

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thị Lan

Địa chỉ:

Lý do chi: Chi tiền mua khẩu trang

Số tiền: 2.755.000

Viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm lăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

***Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung tháng 12/2012 :**

Trong tháng 12/2012 kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung là **177.675.017** đồng

Biểu số 15: Bảng tổng hợp TK627

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Tài khoản 627

Tháng 12 năm 2012

Chi tiết TK627	Số tiền
TK6271 - Lương nhân viên phân xưởng	14.206.000
TK6273 - Chi phí công cụ dụng cụ	23.037.500
TK6274 - Chi phí khấu hao TSCĐ	78.911.544
TK6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.058.632
TK6278 - Chi phí bằng tiền khác	13.461.341
Cộng	177.675.017

Ngày 31 tháng 12 kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng sản phẩm sản xuất của công ty

Công thức phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại bánh của công ty:

$$\text{Tỷ lệ phân bổ} = \frac{\text{CPNVLT sản xuất của từng sản phẩm}}{\text{Tổng CPNVLT sản xuất cho tất cả các sản phẩm}}$$

Chi phí SXC tính cho từng sản phẩm = Tổng CP SXC * Tỷ lệ phân bổ

Ví dụ 6: kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho bánh ASIMO

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ phân bổ} &= \frac{\text{CP NVLTT sản xuất bánh ASIMO}}{\text{Tổng CP NVLTT sản xuất cho tất cả các sản phẩm}} \\ &= \frac{848.128.790}{2.757.935.478} = 0,3 \end{aligned}$$

Chi phí sản xuất chung tính cho bánh ASIMO = 177.675.017 * 0,3 = 53.302.505

Biểu số 16: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung tháng 12/2012

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Tháng 12 năm 2012

STT	Sản phẩm	Tiêu thức (CPNVLTT)	Hệ số phân bổ	Chi phí sản xuất chung
1	Bánh ASIMO	848.128.790	0,3	53.302.505
2	Bánh Trứng 10	392.184.237	0.14	24.874.502
3	Bánh Trứng 20	1.517.622.451	0.56	99.498.010
	Cộng	2.757.935.478		177.675.017

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biểu số 17: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh tháng 12/2012

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha
 Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ,
 Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: S36 – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 627

Tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng tiền		Chi tiết ghi Nợ TK627				
SH	NT			Nợ	Có	6271	6273	6274	6277	6278
PC	05/12	Chi tiền mua khẩu trang cho CN	111	2.504.545						2.504.545
	
PC	07/12	Thanh toán tiền nước tháng 12	111	3.174.000				3.174.000		
			
BL12	31/12	Tính lương NV PX	334	14.206.000	14.206.000					
BL12	31/12	Trích theo lương	338	2.882.200	2.882.200					
BDC12	31/12	Chi phí CCDC	142	23.037.500		23.037.500				
BKH12	31/12	Chi phí KHTSCĐ	214	71.260.744			71.260.744			
PKT	01/12	Kết chuyển 627	154		177.675.017					
		Cộng		177.675.017	177.675.017	14.206.000	23.037.500	78.911.544	48.058.632	13.461.341

Biểu số 18: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12/2012

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha

Mẫu số: S03a – DN

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ,
Kiến An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2012

Đvt: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 12			
					
10/12	PC 07/12	10/12	Thanh toán tiền nước tháng 12	627	3.174.000	
				133	138.000	
				111		3.312.000
10/12	PC 08/12	10/12	Mua quần áo BHLĐ cho công nhân sản xuất, trả bằng TM	627	2.530.000	
				133	253.000	
				111		2.783.000
					
31/12	BTL12	31/12	Tính lương phải trả cho công nhân viên	622	116.579.060	
				627	11.848.500	
				642	58.982.600	
				334		187.410.160
31/12	BTL12	31/12	Các khoản trích lương của công nhân viên	622	25.478.940	
				627	2.357.500	
				642	12.509.700	
				334	16.502.260	
				338		56.455.100
31/12	BKH12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tại phân xưởng SXT12	627	71.260.744	
				642	35.896.032	
				214		107.156.776
					
			Cộng PS tháng 12		31.085.120.448	31.085.120.448

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 19: Trích sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha

Mẫu số: S03b – DN

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ,

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kiến An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Tháng 12

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số phát sinh tháng 12			
PC 07/12	10/12	Thanh toán tiền nước T 12	111	3.312.000	
PC 08/12	10/12	Mua quần áo BHLĐ cho CNSX	111	2.530.000	
				
KHT12	31/12	Chi phí khấu hao TSCĐ	214	71.260.744	
BL12	31/12	Hạch toán phân bổ tiền lương T 12	334	11.848.500	
BL12	31/12	Trích các khoản trích theo lương	338	2.357.500	
				
PKT 01/12	31/12	Kết chuyển CPSXKD T12	154		177.675.017
		Cộng PS tháng 12		177.675.017	177.675.017

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty TNHH An Pha

* TK sử dụng: TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. TK154 được mở chi tiết theo từng sản phẩm:

- + TK 1541: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của bánh ASIMO.
- + TK 1542: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của bánh Trứng 10.
- + TK 1543: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của bánh trứng 20.

* Hệ thống chứng từ và sổ sách công ty TNHH An Pha sử dụng: Sổ chi phí sản xuất, Nhật kí chung, Bảng tính giá thành, Sổ cái TK 154

Căn cứ vào đặc điểm công nghệ và tính chất sản xuất sản phẩm là bánh mềm có chu kỳ sản xuất ngắn, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, công ty áp dụng phương pháp tính trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

$$\text{Chi phí SPDD cuối kỳ} = \frac{\text{SPDD đk} + \text{CPPS tk}}{\text{SL ht} + \text{SLDD cuối kỳ}} * \text{SLDD cuối kỳ}$$

Trong đó:

SPDD đk: Sản phẩm dở dang đầu kỳ

CPPS tk: Chi phí phát sinh trong kỳ

SLDD cuối kỳ: Số lượng dở dang cuối kỳ

SL ht: số lượng hoàn thành

Công ty tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo sản phẩm. Tất cả các chi phí phát sinh được kế toán kết chuyển vào TK 154 để tính giá thành sản phẩm.

Do quy trình sản xuất bánh tại công ty có chu kỳ ngắn nên trước khi sản xuất sản phẩm công ty đã lên kế hoạch và chốt số liệu cũng như tổng kết quá trình sản xuất của năm đến ngày 31 tháng 12. Vì vậy công ty không có dở dang cuối kỳ trong tháng 12/2012.

2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm

2.2.3.1. Đối tượng tính giá thành

Căn cứ vào đặc điểm cơ cấu tổ chức, đặc điểm quy trình công nghệ, kỹ thuật sản xuất sản phẩm, đặc điểm tính chất sản phẩm, yêu cầu hạch toán kinh

tế và quản lý của mình, doanh nghiệp lựa chọn đối tượng tính giá thành theo thùng sản phẩm sản xuất ra trong kỳ.

2.2.3.2. Kỳ tính giá thành

Căn cứ vào kỳ tính giá thành thực tế về đặc điểm tổ chức sản xuất và chu kỳ sản xuất sản phẩm, sản phẩm hoàn thành và nhập kho liên tục nên công ty tổ chức tính giá thành định kỳ vào cuối tháng.

2.2.3.3. Phương pháp tính giá thành

Kết thúc giai đoạn tập hợp chi phí sản xuất, kế toán cần kiểm tra để kết chuyển chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vì đây là giai đoạn sau của quá trình hoạch toán chi phí. Tính toán đúng và đầy đủ chi phí cho từng loại sản phẩm sẽ tạo điều kiện cho nhà quản lý đánh giá được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Để có phương pháp tính giá thành hợp lý, phù hợp với đặc điểm tổ chức, trình độ quản lý của doanh nghiệp Công ty TNHH An Pha đã sử dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm theo phương pháp trực tiếp (giản đơn).

Công ty tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

$$\text{CPDD cuối kỳ} = \frac{\text{CPDD đầu kỳ} + \text{CPPS}_{\text{NVL TT}}}{\text{SL ht} + \text{SL DD cuối kỳ}} \times \text{SL DD cuối kỳ}$$

$$\text{Tổng giá thành sản phẩm} = \text{SPDD đầu kỳ} + \text{CPPS} - \text{SPDD cuối kỳ}$$

$$\text{Giá thành đơn vị} = \frac{\text{Tổng giá thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

Sau khi tập hợp toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ chi tiết theo từng loại sản phẩm, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm.

$$\text{Tổng giá thành SP} = \text{CPDD đầu kỳ} + \text{CPPS trong kỳ} - \text{CPDD cuối kỳ}$$

Ví dụ 7: ngày 31/12 kế toán tính giá thành cho bánh ASIMO

- Chi phí dở dang đầu kỳ = 0
- Chi phí phát sinh trong kỳ
 - + Chi phí NVL TT = 848.128.790
 - + Chi phí NCTT = 42.617.400
 - + Chi phí SXC = 53.302.505
- Chi phí dở dang cuối kỳ = 0

Vậy tổng giá thành của bánh ASIMO tháng 12 là:

$$\begin{aligned} Z &= CP\ NVLTT + CPNCTT + CP\ SXC = 848.128.790 + 42.617.400 + 53.302.505 \\ &= 944.048.695 \end{aligned}$$

Giá thành đơn vị:

$$Z_{đv} = \frac{944.048.695}{5.000} = 188.810 \text{ đ/thùng}$$

Biểu số 20: Phiếu kế toán

CÔNG TY TNHH AN PHA

Địa chỉ: cụm công nghiệp Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 01/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển chi phí sản	154	621	2.757.935.478
	xuất kinh doanh tháng	154	622	142.058.000
	12 của toàn bộ sản	154	627	177.675.017
	Cộng			3.077.668.795

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 21: Thẻ tính giá thành tháng 12/2012

CÔNG TY TNHH AN PHA

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH

Tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu Sản phẩm	SPDD đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ			SPDD cuối kỳ	Tổng giá thành	Sản lượng	Giá thành đơn vị
		CP NVLTT	CP NCTT	CP SXC				
Bánh ASIMO	0	848,128,790	42,617,400	53,302,505	0	944,048,695	5,000	188,810
Bánh trứng 10	0	392,184,237	19,888,120	24,874,502	0	436,946,859	2,500	174,779
Bánh trứng 20	0	1,517,622,451	79,552,480	99,498,010	0	1,696,672,941	7,300	232,421
Cộng		2,757,935,478	142,058,000	177,675,017		3,077,668,495	14,800	

Biểu số 22: Sổ chi tiết TK1541

CÔNG TY TNHH AN PHA

Mẫu số: S38 - DN

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ,

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kiến An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 154 (1541)

Đối tượng: Bánh ASIMO

Tháng 12

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra		
	SH	NT			Nợ	Có	CP NVLTT	CP NCTT	CP SXC
			Số dư đầu kỳ		-				
			Số phát sinh trong kỳ						
31/12	BGT T12	31/12	Kết chuyển CP NVLTT	621	848.128.790		848.128.790		
			Kết chuyển CP NCTT	622	42.617.400			42.617.400	
			Kết chuyển CPSXC	627	53.302.505				53.302.505
31/12	BGT T12	31/12	Nhập kho thành phẩm	155		944.048.695	-		
			Cộng PS		944.048.695	944.048.695	848.128.790	42.617.400	53.302.505
			Dư cuối kỳ		-				

Biểu số 23: Trích sổ nhật kí chung tháng 12/2012

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha

Mẫu số: S03a – DN

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ,

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kiến An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2012

Đvt: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 12			
					
05/12	PT 03/12	05/12	Thu nợ tiền bán hàng tháng 11	131	12.420.351	
				111		12.420.351
06/12	PN 02/12	06/12	Mua NVL của công ty Hoàng phát. Thanh toán bằng tiền mặt	152	19.341.650	
				133	1.934.165	
				111		21.275.815
					
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển chi phí NVLTT	154	2.757.935.478	
				622		2.757.935.478
			Kết chuyển chi phí NCTT	154	142.058.000	
				622		142.058.000
			Kết chuyển chi phí SXC	154	177.675.017	
				627		177.675.017
31/12	BGT T12	31/12	Nhập kho TP bánh ASIMO	155	944.048.695	
				154		944.048.695
			Nhập kho TP bánh Trúng 10	155	436.946.859	
				154		436.946.859
			Nhập kho TP bánh Trúng 20	155	1.696.672.941	
				154		1.696.672.941
		
			Cộng PS tháng 12		31.085.120.448	31.085.120.448

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 24: Trích sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH An Pha

Mẫu số: S03b – DN

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quán Trữ, (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kiến An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Tháng 12

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu	Số tiền	
SH	NT		TKĐƯ	Nợ	Có
		Dư đầu kỳ		-	
		Số phát sinh T12			
PKT 01/12	31/12	Kết chuyển CPSXKD T12	621	2.757.935.478	
			622	142.058.000	
			627	177.675.017	
BGT T12	31/12	Nhập kho TP bánh ASIMO	155		944.048.695
		Nhập kho TP bánh Trứng 10	155		436.946.859
		Nhập kho TP bánh Trứng 20	155		1.696.672.941
		Cộng phát sinh T12		3.077.668.495	3.077.668.495
		Dư cuối kỳ		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

**CHƯƠNG III:
MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ
CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN
XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY
TNHH AN PHA**

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán tại Công ty TNHH An Pha

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty TNHH An Pha là một đơn vị rất nhạy bén trong công tác quản lý, phát huy những ưu điểm vốn có, công ty đã và đang tìm ra cho mình những bước đi mới và có những khởi sắc đáng mừng. Công ty đã khẳng định vị trí của mình trên thị trường bằng các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ. Sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế đã giúp công ty từng bước hoà nhập với nhịp điệu phát triển kinh tế của đất nước, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm mở rộng thị trường, tăng lợi nhuận để tái sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty.

Bên cạnh việc tổ chức một bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý hoá sản xuất Công ty đặc biệt chú trọng tới công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Hạch toán đúng từ khâu chi phí sản xuất và hạch toán chính xác giá thành sản phẩm tạo điều kiện cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban Giám đốc Công ty ra các Quyết định đúng đắn, góp phần mang lại thắng lợi cho đơn vị trong điều kiện cạnh tranh thị trường.

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, công ty đã có những chuyển biến cơ bản trong việc hạch toán chi phí sản xuất từ khâu xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành đến kế toán chi phí tổng hợp, kế toán chi phí giá thành, thực hiện việc ghi chép phản ánh một cách kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các chi phí hoạt động tính vào giá thành của sản phẩm và hạch toán phân bổ chi phí sản xuất chung.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH An Pha, được tìm hiểu về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm em đã thấy được những ưu nhược điểm của công ty như sau:

3.1.1 Ưu điểm

*** Về bộ máy lãnh đạo quản lý**

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã đảm bảo quản lý và hạch toán các yếu tố chi phí của quá trình sản xuất một cách tiết kiệm, có hiệu quả. Cụ thể công ty đã quản lý lao động có trọng tâm và luôn động viên khuyến khích đối với lao động. Công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán, giúp doanh nghiệp kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kịp thời, giảm nhẹ biên chế trong bộ máy làm việc.

*** Về bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, tinh giảm gọn nhẹ, phù hợp với đặc điểm và tình hình sản xuất của công ty. Hình thức này cũng đảm bảo sự thống nhất từ khâu hạch toán ban đầu đến khâu lập báo cáo tài chính, nó cung cấp cho ban lãnh đạo kịp thời, đúng đắn, chính xác phục vụ cho công tác kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế và đạt được hiệu quả cao.

-Phòng kế toán chịu sự chỉ đạo chung của kế toán trưởng, mỗi phần hành kế toán đều do một nhân viên kế toán đảm nhiệm tạo cho các nhân viên tinh thần tự chủ và có trách nhiệm trong công việc

-Đội ngũ kế toán viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực sáng tạo trong công việc, có tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học, năng động có tinh thần tập thể cao luôn giúp đỡ nhau trong công tác.

-Thông tin do phòng kế toán cung cấp nhanh chóng, chính xác, đầy đủ, kịp thời nên thuận lợi cho việc đối chiếu kiểm tra giữa các bộ phận sản xuất kinh doanh về việc lập báo cáo tài chính được thuận lợi và dễ dàng. Đồng thời

giúp lãnh đạo nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của DN, giúp lãnh đạo có được phương án giải quyết kịp thời, đúng đắn thúc đẩy sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

*** Về tổ chức sổ sách kế toán**

Hệ thống sổ sách kế toán ở công ty nhìn chung được xây dựng phù hợp với chế độ kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của công ty. Hình thức sổ được công ty sử dụng hiện nay là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức kế toán đơn giản, phù hợp quy mô, tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty.

Tại công ty các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật thường xuyên, đầy đủ chính vì vậy công ty luôn đảm bảo cho việc lập và nộp báo cáo kịp thời cho đơn vị chủ quản vào cuối mỗi tháng.

*** Về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty**

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một phần hành kế toán luôn được trú trọng ở công ty. Nhìn chung, qua tìm hiểu thực tế em nhận thấy mọi chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ đều được tập hợp theo các khoản mục chi phí một cách rõ ràng, đầy đủ, chính xác cho đối tượng tập hợp chi phí, cung cấp số liệu cần thiết cho công tác tính giá thành sản phẩm, phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chi phí và quản lý giá thành.

Về kế toán chi phí nguyên vật liệu: công tác này được thực hiện nghiêm chỉnh theo đúng chế độ, các phiếu nhập kho, xuất kho NVL được cập nhật đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho và tính giá thành được chính xác. Công ty đã xây dựng các định mức nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng khá chính xác với thực tế sản xuất.

Về kế toán chi phí nhân công trực tiếp: công ty áp dụng hình thức trả lương sản phẩm, khuyến khích người lao động làm việc, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, công tác hạch toán tiền lương được thực hiện nghiêm túc, đúng chế độ quy định.

Công ty lựa chọn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành. Lựa chọn như vậy, công ty có thể theo dõi chi phí theo từng loại sản phẩm hoàn thành, có thể xác định được lợi nhuận theo từng sản phẩm.

Phương pháp tính giá thành áp dụng tại Công ty là phương pháp trực tiếp. Sử dụng phương pháp này sẽ giúp công tác tính giá thành đơn giản hơn, công việc tính toán của kế toán sẽ nhẹ nhàng hơn, tránh được những sai sót không đáng có do nhầm lẫn trong việc tính toán.

Phương pháp, nguyên tắc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty đều căn cứ trên những quy định do Bộ Tài chính ban hành. Hệ thống chứng từ ban đầu được tổ chức hợp pháp, hợp lý và đầy đủ. Do đó, công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty luôn đảm bảo chính xác và kịp thời. Điều này rất có lợi vì Công ty luôn có đầy đủ thông tin về chi phí, giá thành khiến cho việc quản lý, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm dễ thực hiện hơn.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho tại công ty là phương pháp kê khai thường xuyên, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, giúp Ban Giám đốc thường xuyên nắm được tình hình biến động hàng tồn kho và ra Quyết định một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

Việc phân loại chi phí theo khoản mục chi phí và việc tập hợp chi phí theo từng khoản mục chi phí giúp cho nhà quản lý phân tích được từng khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm tăng hay giảm? Nguyên nhân do đâu? Làm giá thành tăng, giảm bao nhiêu?... để ra các quyết định đúng đắn nhất về quản lý chi phí và giá thành, sử dụng tiết kiệm chi phí để có thể hoàn thành nhiệm vụ hạ giá thành đặt ra.

3.1.2. Những tồn tại trong công ty

Những ưu điểm về quản lý và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nêu trên có tác dụng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên cũng không tránh khỏi những khó khăn tồn tại nhất định cần được hoàn thiện. Một số nhược điểm còn tồn tại trong công ty TNHH An Pha như:

➤ **Về việc trích trước lương nghỉ phép cho người lao động**

Công ty không tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân nếu vậy khi phát sinh chi phí này sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm của DN.

➤ **Về việc phân bổ chi phí sửa chữa thường xuyên và trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ**

Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty sử dụng một khối lượng máy móc, thiết bị có giá trị lớn. Trong quá trình sản xuất máy móc, thiết bị cần phải được bảo dưỡng, sửa chữa theo định kỳ để duy trì sản xuất. Hiện nay chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị của doanh nghiệp phát sinh tháng nào thì hạch toán vào tháng đó làm cho chi phí sửa chữa giữa các tháng không đồng đều, ảnh hưởng đến độ chính xác giá thành sản phẩm sản xuất ra trong tháng. Công ty không trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dẫn đến chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh vào một kỳ. Vì vậy việc xây dựng kế hoạch về vốn cũng như tập hợp chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn gặp phải khó khăn.

➤ **Về đánh giá thiệt hại trong sản xuất.**

Công ty không hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất như thiệt hại về sản phẩm hỏng, thiệt hại ngừng sản xuất, do đó không có sự so sánh giữa các kỳ về chất lượng sản phẩm, giá trị sản phẩm hỏng ngoài định mức vẫn tính vào giá trị sản phẩm hoàn thành trong kỳ do đó đã phản ánh chưa chính xác giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

➤ **Việc xây dựng định mức dự trữ và bảo quản nguyên vật liệu trong kho**

Công ty chưa chú trọng việc xây dựng kho tàng để bảo quản nguyên vật liệu làm đôi khi nguyên vật liệu mốc, bị ẩm..., không quản lý được định mức dự trữ vật liệu làm nhiều lúc nguyên vật liệu ứ đọng hoặc khan hiếm vật liệu làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất của doanh nghiệp.

➤ **Về việc sử dụng phần mềm máy tính**

Tại Công ty TNHH An Pha, công tác hạch toán kế toán còn được thực hiện thủ công. Công ty chưa ứng dụng phần mềm kế toán máy vào bất kỳ một

phần hành kế toán nào. Chính vì vậy đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kế toán, hiệu quả sản xuất kinh doanh, làm giảm đi sự nhanh chóng, chính xác, đảm bảo thông tin kịp thời cho ban lãnh đạo trong việc điều hành sản xuất kinh doanh ở Công ty. Mặt khác, việc lưu trữ, tra cứu kiểm tra các số liệu kế toán – tài chính cũng khó khăn hơn.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty....

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Pha

Nhìn chung các doanh nghiệp đều tôn trọng nguyên tắc giá phí trong việc xác định giá trị của các đối tượng cần tính giá. Việc tổ chức công tác tính giá cho các đối tượng cần tính giá theo các yếu tố cấu thành giá mà doanh nghiệp đã và đang thực hiện là một trong các nội dung biểu hiện trong công tác kế toán tại doanh nghiệp. Sản phẩm hoàn thành là thành quả của một quá trình lao động và sản xuất của cán bộ công nhân viên trong toàn doanh nghiệp. Nhưng để có được mong muốn đòi hỏi doanh nghiệp phải bỏ ra rất nhiều chi phí cũng như công sức lao động của những người tham gia. Việc tập hợp các khoản chi phí này cho phép tính được tổng chi phí đã chi ra, giá thành sản xuất của sản phẩm từ đó xác định mức giá tối thiểu các sản phẩm để thu về hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Như vậy, trong công tác quản lý doanh nghiệp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình quản lý và sử dụng các yếu tố sản xuất kinh doanh của cả doanh nghiệp. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có một tầm quan trọng đặc biệt, là một phần hành không thể thiếu trong công tác kế toán của bất kỳ một doanh nghiệp nào nhằm cung cấp thông tin cần thiết để tính đúng tính đủ chi phí sản xuất và tính toán chính xác giá thành sản phẩm. Do đó các thông tin về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được các nhà quản lý quan tâm, chúng là những chỉ tiêu phản ánh chất lượng của hoạt động sản xuất kinh

doanh của doanh nghiệp, mang lại cho những nhà quản lý nhiều định hướng cũng như các quyết định quan trọng trong việc điều hành. Mục tiêu phấn đấu hạ giá thành sản phẩm là điều kiện chủ yếu giúp cho sản phẩm của doanh nghiệp có thể đứng vững chắc trên thị trường.

Như vậy, sự hoàn thiện của công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm góp phần không nhỏ và sự thành công trong kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần phải ngày càng hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm để tăng cường hiệu quả kế toán cũng như quản trị doanh nghiệp, góp phần tăng sức mạnh của doanh nghiệp.

3.2.2. Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện đề tài nghiên cứu

- Đem lại hiệu quả về mặt kinh tế so với hình thức và thực trạng đang áp dụng tại doanh nghiệp.
- Những biện pháp hoàn thiện phải tuân thủ theo các quy định, chuẩn mực chung và không vi phạm pháp luật.
- Các biện pháp này phải phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp

3.2.3: Nguyên tắc phải hoàn thiện tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Pha.

Việc hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

+ Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

+ Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô

của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

+ Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp bởi vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời và chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn, tối ưu

3.2.4: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Pha

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH An Pha, được sự chỉ bảo tận tình của các anh, các chị phòng tài chính kế toán công ty, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng công tác tổ chức hạch toán kế toán của công ty. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập với sự nhiệt tình nghiên cứu, em xin đưa ra một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sản xuất tại công ty như sau:

Thứ nhất: Công ty tiến hành trích trước lương nghỉ phép cho người lao động.

+ Để đảm bảo sự ổn định của chi phí nhân công trực tiếp trong giá thành sản phẩm sản xuất ra, kế toán nên tiến hành trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất để khi chi phí này phát sinh cũng không ảnh hưởng lớn tới giá thành sản phẩm, góp phần nâng cao uy tín của công ty trên thị trường về giá cả sản phẩm.

$$\text{Mức trích trước tiền lương nghỉ phép} = \frac{\text{Tiền lương cơ bản thực tế phải trả cho CNV trong tháng}}{\text{Tỷ lệ trích trước}}$$

$$\text{Tỷ lệ trích trước} = \frac{\text{Tổng TL nghỉ phép của CNSXTT theo KH}}{\text{Tổng TL chính phải trả cho CNTTSX trong năm theo KH}}$$

+ Hàng tháng khi trích trước tiền lương, tiền nghỉ phép, kế toán căn cứ vào kết quả tính toán số trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất để hạch toán, kế toán ghi:

Nợ TK622

Có TK335

+ Số tiền trích trước thực tế phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất phát sinh trong tháng kế toán ghi:

Nợ TK335

Có TK334

+ Khi thanh toán tiền lương nghỉ phép cho công nhân, kế toán ghi:

Nợ TK334

Có TK111,112

+ Cuối năm kế toán tiến hành so sánh số chi lương nghỉ phép và số trích trước để tìm ra khoản chênh lệch (nếu có)

Nếu số trích trước lớn hơn thực tế, kế toán hạch toán giảm chi phí NC TT:

Nợ TK335

Có TK622

Nếu số trích trước nhỏ hơn thực tế, kế toán tiến hành trích bổ sung:

Nợ TK 622

Có TK 335

Như vậy khi trích phần kinh phí công đoàn tính vào lương cho người lao động, các hoạt động công đoàn giúp cho đời sống của người lao động được quan tâm, các quyền lợi được đảm bảo đầy đủ hơn, từ đó khuyến khích người lao động có tinh thần trách nhiệm làm việc tốt hơn và sẽ đóng góp được nhiều hơn nữa cho công ty.

Thứ hai: Về việc phân bổ chi phí sửa chữa thường xuyên và tiến hành tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

➤ Hiện nay chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị của doanh nghiệp phát sinh tháng nào thì hạch toán vào tháng đó làm cho chi phí sửa chữa giữa các tháng không đồng đều, ảnh hưởng đến độ chính xác giá thành sản phẩm sản

xuất ra trong kỳ. Vì vậy Công ty nên căn cứ vào thực trạng máy móc thiết bị, kế hoạch sản xuất để xác định trước chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ có thể phát sinh, tiến hành trích trước vào chi phí sản xuất của từng tháng, đảm bảo chi phí sửa chữa TSCĐ là đồng đều giữa các tháng.

Nợ TK 627,641,642: (Sửa chữa TSCĐ thuộc bộ phận nào thì phản ánh vào bộ phận đó.)

Có TK 111,112

Trường hợp thuê ngoài kế toán ghi:

Nợ TK 133: nếu thuê ngoài

Có TK 111, 112 (nếu thanh toán bằng tiền)

Có TK 334,331(nếu chưa trả)

➤ Công ty không trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định làm cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh dồn vào một kỳ làm cho doanh nghiệp không hạch toán đúng được các khoản chi phí phát sinh từ đó không tính được đúng giá thành sản phẩm. Vì vậy công ty nên tiến hành sửa chữa theo kế hoạch hoặc ngoài kế hoạch.

Chi phí sửa chữa phát sinh thường là lớn nên theo quy định kế toán phải phân bổ vào chi phí kinh doanh.

***Kế toán sửa chữa theo kế hoạch**

– Hàng tháng kế toán sẽ tiến hành trích một khoản chi phí sẽ phải trả, kế toán ghi:

Nợ TK 627,641,642

Có TK 335: Số theo kế hoạch

– Trong kỳ phát sinh chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ TK 2413: Số thực tế phát sinh

Nợ TK 133

Có TK 111,112,331

– Cuối kỳ, quyết toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:

+Nếu số trích trước lớn hơn số thực tế phát sinh, kế toán ghi

Nợ TK 335: Số kế hoạch

Có TK 2413: Số thực tế phát sinh

Có TK 627,641,642

+ Nếu số trích trước nhỏ hơn số thực tế phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 335

Nợ TK 627,641,642

Có TK 2413

+ Nếu số thực tế bằng số kế hoạch

Nợ TK 335

Có TK 2413

***Kế toán ngoài kế hoạch**

+ Khi tiến hành sửa chữa, kế toán phản ánh chi phí thực tế phát sinh

Nợ TK 2413: Số thực tế

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

+ Khi công việc sửa chữa hoàn thành kế toán kế chuyển để phân bổ dần:

Nợ TK 242,142

Có TK 2413: Số thực tế.

+ Hàng tháng kế toán phân bổ dần 1 khoảng chi phí sản xuất kinh doanh

Nợ TK 627, 641, 642

Có TK 242,142.

Thứ 3: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất

Thiệt hại trong sản xuất là điều khó tránh khỏi trong quá trình sản xuất kinh doanh. Những thiệt hại này có thể do nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp, cũng có thể do nhân tố khách quan gây nên nhưng đều ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Những thiệt hại trong sản xuất có nhiều loại song chủ yếu gồm thiệt hại về sản phẩm hỏng và thiệt hại ngừng sản xuất.

Thiệt hại về sản phẩm hỏng

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất hoặc sản xuất xong nhưng có những sai phạm về mặt tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất lượng, mẫu mã, quy cách. Những sai phạm này có thể do những nguyên nhân liên quan đến trình độ lành nghề, chất lượng vật liệu, tình hình

trang bị kỹ thuật, việc chấp hành kỷ luật lao động, sự tác động của điều kiện tự nhiên.

Hiện tại Công ty không hạch toán khoản thiệt hại này. Do sản phẩm hỏng của Công ty tương đối nhỏ nên thiệt hại về sản phẩm hỏng do thành phẩm gánh chịu. Tuy nhiên nếu thành phẩm phải chịu chi phí thiệt hại do sản phẩm hỏng sẽ làm tăng giá thành của thành phẩm. Bởi vậy Công ty nên hạch toán khoản thiệt hại này bằng cách tìm đúng nguyên nhân để xử lý đúng đắn. Nếu sản phẩm hỏng là do người lao động gây ra thì phải yêu cầu bồi thường để nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động trong quá trình sản xuất. Nếu sản phẩm hỏng do lỗi kỹ thuật thì cần có biện pháp khắc phục để hạn chế thấp nhất thiệt hại.

Tại công ty TNHH An Pha, do đặc thù là sản xuất bánh cho nên sản phẩm hỏng của công ty là sản phẩm hỏng không sửa chữa được.

– Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: Là sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật không cho phép sửa chữa hoặc việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

Sản phẩm hỏng không sửa chữa được của công ty bao gồm sản phẩm hỏng trong định mức và sản phẩm hỏng ngoài định mức.

+ Sản phẩm hỏng trong định mức: Là những sản phẩm hỏng mà doanh nghiệp dự kiến sẽ xảy ra trong quá trình sản xuất. Đây là những sản phẩm hỏng được xem là không tránh khỏi trong quá trình sản xuất cho nên phần chi phí cho những sản phẩm này được coi là chi phí sản xuất của chính phẩm. Doanh nghiệp buộc chấp nhận có tỷ lệ sản phẩm hỏng nhất định.

+ Sản phẩm hỏng ngoài định mức: Là những sản phẩm hỏng nằm ngoài dự kiến của doanh nghiệp do các nguyên nhân bất thường như máy hỏng, hỏa hoạn bất chợt... Do xảy ra bất thường nên chi phí của chúng không được cộng vào chi phí sản xuất chính phẩm mà được xem là khoản phí tổn thời kỳ, phải trừ vào thu nhập.

+ Thiệt hại về sản phẩm hỏng trong định mức được tính như sau:

Thiệt hại về Giá trị sản phẩm Chi phí sản phẩm Giá trị phế
sản phẩm hỏng = hỏng không sửa + hỏng có thể sửa - liệu thu hồi
trong định mức chữa được chữa được (nếu có)

Đối với giá trị sản phẩm hỏng ngoài định mức, kế toán phải theo dõi riêng, đồng thời xem xét nguyên nhân gây ra sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý.

Nếu sản phẩm hỏng ngoài định mức kế toán tiến hành ghi:

Nợ TK1381

Có TK 154

Nếu sản phẩm hỏng trong định mức quy định, kế toán ghi:

Nợ TK 632: (Nếu SP hỏng trong định mức)

Nợ TK 811: (Nếu SP hỏng ngoài định mức và xử lý theo quy định)

Có TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng

Sau đó tìm hiểu nguyên nhân và tiến hành xử lý số sản phẩm hỏng.

Nếu sản phẩm hỏng do cá nhân nhân viên thì cá nhân nhân viên phải bồi thường cho công ty, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112: (nếu bồi thường bằng tiền)

Nợ TK334: (trừ vào lương)

Nợ TK 1388 (nếu do cá nhân nhân viên làm hỏng thì yêu cầu bồi thường)

Có TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng

Việc hạch toán thiệt hại sản phẩm sẽ đảm bảo được độ chính xác của giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm và hạn chế tối đa mức thiệt hại.

Thứ 4: Việc xây dựng định mức dự trữ và bảo quản nguyên vật liệu trong kho

Bảo quản nguyên vật liệu là khâu rất quan trọng liên quan đến quá trình sản xuất của doanh nghiệp. Vì vậy công ty cần phải chú ý đến khâu bảo quản nguyên vật liệu bằng việc xây dựng và bố trí hệ thống kho tàng, thiết bị kỹ thuật đầy đủ trên cơ sở phân loại theo tính chất cơ, lý, hoá của từng loại nguyên vật liệu để có biện pháp bảo quản tốt nhất...Nhìn chung các loại

nguyên vật liệu thường dễ hỏng dưới tác động của môi trường, khí hậu... và dễ mất mát, hao hụt nên rất khó khăn trong công tác bảo quản. Chi phí cho việc bảo quản đôi khi rất lớn, do vậy công ty nên tính đến hiệu quả của chi phí này có nghĩa là phải tính được tỷ lệ hợp lý giữa giá vật liệu với chi phí bảo quản chúng. Công ty nên xây dựng trong mỗi kho phải có ngăn, giá, kê, bục, có đủ phương tiện phòng chống ẩm thích ứng với từng loại vật liệu và thuốc phòng sâu mọt, mối, v.v. Sắp xếp vật liệu, máy móc thiết bị trong kho, lán, bãi phải thứ tự, hệ thống từng loại, có hàng lối, có chỗ đi lại, di chuyển vật liệu máy móc dễ dàng.

Vị trí kho, lán, bãi phải thuận lợi, phải xa những nơi bán thiu, xa những phân xưởng hàn đúc, xa những nơi có chứa khí “các-bô-níc ” khi “Hy-đơ-rô” khí lưu huỳnh, xa những khu nhà ở, nhà bếp v.v... Phải xa đường dây cao thế ít nhất là 50 m.

Phải tổ chức hệ thống kho tàng đảm bảo an toàn cho vật liệu cả về số lượng và chất lượng. Phát hiện và ngăn ngừa những biểu hiện vi phạm làm thất thoát vật liệu. Công ty nên xây dựng bảng tính định mức dự trữ nguyên vật liệu để tránh tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu hoặc ứ đọng nguyên vật liệu. Định kỳ công ty có nên cử cán bộ kế toán đi kiểm tra số nguyên vật liệu đã sử dụng.

Có thể lập bảng định mức dự trữ nguyên vật liệu như sau:

Mã NVL	Tên NVL	Đơn vị tính	Định mức đơn vị	Tiêu hao định mức	Tiêu hao thực tế	Tiền phân bổ
	Cộng					

Thứ 5: Việc hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán

Tại Công ty TNHH An Pha, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kê mẫu sổ sách và ứng

dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ. Công việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, Công ty cần nhanh chóng trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

+Phần mềm kế toán SAS INNOVA của Công ty cổ phần SIS Việt Nam

+Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA.

+Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING của Công ty cổ phần FAST Việt Nam

Khi sử dụng phần mềm này, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Thêm vào đó là tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản cũng thuận lợi và an toàn hơn.

KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một vấn đề vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao. Để kế toán phát huy hết hiệu quả của mình trong quản lý kinh tế, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm nói riêng là một tất yếu khách quan.

Qua thời gian thực tập, trên cơ sở kiến thức, phương pháp luận đã thu nhận được ở nhà trường kết hợp với tình hình thực tế ở Công ty, bài viết này của em đã khái quát được lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, nắm bắt được thực tế công tác tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty TNHH An Pha, nghiên cứu, nhận xét, đánh giá và mạnh dạn đưa ra những tồn tại và đề xuất một số ý kiến nhằm khắc phục những hạn chế trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty với mong muốn góp phần vào việc củng cố, hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, do thời gian, trình độ cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo và các cô, các bác trong phòng kế toán Công ty để bài viết cũng như kiến thức của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thầy giáo Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ, cảm ơn các cô, các bác trong phòng kế toán của Công ty TNHH An Pha cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Thủy